

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
Ngày 23 tháng 04 năm 2018

Thời gian: Bắt đầu vào lúc 7 giờ 30 phút, Thứ hai, ngày 23/04/2018.

Địa điểm: Số 02 Đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP Vĩnh Long.

THỜI GIAN	NỘI DUNG
7h - 7h30'	Đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông <ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp các cổ đông và đại biểu- Cổ đông đăng ký và nhận tài liệu
7h30 - 8h30'	Khai mạc đại hội <ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông- Chủ tọa chỉ định nhân sự tham gia điều hành Đại hội và 02 người làm Thư ký Đại hội- Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu- Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội- Thông qua chương trình Đại hội
8h30' - 9h30'	Nội dung đại hội <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2017- Báo cáo của BKS về hoạt động kiểm soát Công ty năm 2017- Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017- Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2017- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018- Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018.- Thông qua thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký năm 2018.
9h30 -9h45'	Nghỉ giải lao
9h45' -11h	Nội dung đại hội (tiếp theo) <ul style="list-style-type: none">- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty- Đại hội thảo luận về nội dung các tờ trình- Chủ tọa đoàn trả lời các câu hỏi mà cổ đông quan tâm- Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình.
11h - 11h30'	Tổng kết Đại hội <ul style="list-style-type: none">- Thông qua Biên bản Đại hội.- Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.- Bế mạc đại hội

Ghi chú:

- Ngày đăng ký cuối cùng tham dự đại hội thường niên năm 2018: Ngày **04/04/2018**
- Ngày TT Lưu ký chứng khoán TP HCM phát hành danh sách cổ đông: Ngày **06/04/2018**(không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi ngày mời họp ĐHĐCĐ).
- Ngày gửi thư mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018: Ngày **09/04/2018** (chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc).
- Ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018: Ngày **20/04/2018**

Số: /CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 10 tháng 04 năm 2018

DỰ THẢO

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12;
- Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/05/2016.

Để Đại hội đồng thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội với các nội dung chính như sau:

I. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI:

Các Cổ đông/Người nhận ủy quyền của Cổ đông khi đến tham dự Đại hội có quyền và nghĩa vụ tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp. Các nội dung chính cần Đại hội thảo luận và biểu quyết bao gồm:

- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội; Chương trình Đại hội; Ban Kiểm phiếu biểu quyết của đại hội.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung chính của Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm: Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017; Phương án thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, trả cổ tức năm 2017; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, trả cổ tức năm 2018P; Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2018; Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, bổ nhiệm người quản trị công ty, Mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách, thư ký năm 2018 và các vấn đề khác.
- Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

II. CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI:

1. Đăng ký tham dự Đại hội và điều kiện để tổ chức Đại hội:

1.1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long theo danh sách chốt đến ngày 04/04/2018 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Cổ đông có tên trong danh sách trên được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

1.2. Thủ tục đăng ký tham dự Đại hội

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và xuất trình các giấy tờ trên để nhận Tài liệu Đại hội,

- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, trong đó:
 - Thẻ biểu quyết (*Có thông tin về Mã số biểu quyết; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền)*)
 - Phiếu biểu quyết (*Có thông tin về nội dung các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến)*)

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

1.3. Điều kiện để tổ chức Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông chốt ngày 04/04/2018.

2. Ban tổ chức Đại hội

2.1. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, nên Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông:

🚩 Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

🚩 Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

🚩 Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

🚩 Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

2.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập. Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:

- Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày 04/04/2018;

- Phát tài liệu Đại hội và các Thẻ biểu quyết;

- Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

2.3. Ban Thư ký Đại hội

- Ban Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa Đại hội cử ra theo Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

- Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

🚩 Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.

🚩 Hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

🚩 Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông.

2.4. Ban Kiểm phiếu biểu quyết

- Ban Kiểm phiếu biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

- Ban Kiểm phiếu biểu quyết có nhiệm vụ:

🚩 Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

🚩 Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa, Ban thư ký kết quả biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội.

3. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội.

Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân thủ các quy định sau:

- Được sự chấp thuận của chủ tọa;
- Phải nêu tên, mã số cổ đông trước khi phát biểu;
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn, phù hợp với chương trình Đại hội và tránh trùng lặp với các nội dung đã được phát biểu trước;
- Thời gian phát biểu không quá 03 phút cho 01 lần phát biểu;
- Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban thư ký tập hợp.

4. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

4.1. Thẻ lệ biểu quyết

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: Lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

❖ Hình thức biểu quyết: Có 2 hình thức là giơ thẻ và bỏ phiếu

- Giơ thẻ: Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu, Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

- Bỏ phiếu: Biểu quyết nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

❖ Cách thức biểu quyết:

- Giơ thẻ: theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội, cổ đông lần lượt biểu quyết (**đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến**) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa. Những cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

- Bỏ phiếu: cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn đánh dấu “X” vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (**đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến**). Những cổ đông không chọn phương án biểu quyết nào đối với 01 vấn đề được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết. Cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết đã được đánh dấu chọn vào thùng phiếu theo hướng dẫn.

5.2 Nguyên tắc thông qua các nội dung xin ý kiến Đại hội

Cổ đông, đại diện cho cổ đông có quyền tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

Các nội dung trình Đại hội sẽ được lấy ý kiến biểu quyết và chỉ được thông qua khi có ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cho cổ đông dự Đại hội chấp thuận.

6. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên được lưu giữ tại Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long và sẽ được đăng tải lên Website của Công ty.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long sau khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐẶNG TẤN CHIẾN

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 04 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ VIỆC QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ NĂM 2017**

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 25/05/2016;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về việc quản trị điều hành công ty năm 2018, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
- Tên viết tắt: VWACO
- Mã cổ phiếu: VLW
- Địa chỉ: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: (0270) 382 2583
- Số fax: (0270) 382 9432
- Website: www.capnuocvl.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500174831
- Vốn điều lệ: 289.000.000.000 đồng; số lượng cổ phần 28.900.000 cổ phần; mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trong đó:

+ Vốn nhà nước: 213.995.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 74,05 %

+ Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần là 75.005.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 25,95 %

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Sản xuất nước uống đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh các dự án cấp nước; dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng; kinh doanh thiết bị, vật tư chuyên ngành nước.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý :

Căn cứ Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thông qua ngày 25/05/2016. Công ty cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

1. Thành viên cơ cấu Hội đồng quản trị:

STT	Họ Tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu - Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh long	87.500 17.119.600	0,303% 59,237%
2	Nguyễn Tấn Phát	TV HĐQT, Tổng giám đốc	- Cổ phần cá nhân sở hữu - Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh long	57.400 4.279.900	0,199% 14,809%
3	Bùi Thiện Ngọc Minh	TV HĐQT, Kế toán trưởng	- Cổ phần cá nhân sở hữu	16.400	0,057%
4	Lê Thị Quyến	TV HĐQT	- Cổ phần cá nhân sở hữu	8.300	0,029%
5	Huỳnh Văn Nhân	TV HĐQT	- Cổ phần đại diện Công ty cổ phần nước và môi trường đồng bằng	1.445.000	5,000%

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Họ Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ%
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%
2	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT	10/10	100%
3	Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	10/10	100%
4	Lê Thị Quyến	Thành viên HĐQT	10/10	100%
5	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên HĐQT	10/10	100%

2.2. Các nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2017

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
-----	-----------------------	------	----------

1	01/NQ-HĐQT	30/01/2017	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thông qua việc Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Đạt sinh năm 1970 - Trưởng Phòng Kỹ Thuật giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kể từ ngày 01/04/2017.
2	01A/NQ-HĐQT	31/01/2017	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thông qua chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức tự thực hiện các công trình: <ul style="list-style-type: none"> - Tuyển ống cấp nước D63 - Huyện Long Hồ - Tỉnh Vĩnh Long - Hệ thống tưới cây xanh và thảm cỏ Nhà máy nước Trường An - Thay thế tuyển ống cấp nước STK D42 ÷ D90 bằng ống PE D63 + PVC D90 khu tái định cư QL 1A - đường Phạm Thái Bường Phường 4 – TPVL. - Chuyển mạng ống nhánh đồng hồ khu tái định cư QL 1A - đường Phạm Thái Bường Phường 4 – TPVL ♦ Thông qua chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu công trình sửa chữa nhà bảo vệ - hàng rào Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.
3	02/NQ-HĐQT	14/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
4	03/NQ-HĐQT	14/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thông qua chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức tự thực hiện, công trình các tuyến ống cấp nước D50-63 khu vực TP Vĩnh Long và Xã Thanh Đức- Huyện Long Hồ- Tỉnh Vĩnh Long
5	04/NQ-HĐQT	17/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thống nhất việc sắp xếp cơ cấu lại Đội cấp nước an toàn thuộc Phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long. ♦ Thống nhất việc mua xe ô tô phục vụ công tác chung của công ty.
6	05/NQ-HĐQT	03/05/2017	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thông qua việc chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017. ♦ Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt. <ul style="list-style-type: none"> - Ngày đăng ký cuối cùng: 08/06/2017 - Ngày chi trả cổ tức: 28/06/2017 - Tỷ lệ: 1%/ cổ phiếu
7	05A/NQ-HĐQT	01/06/2017	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thống nhất chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu: <ul style="list-style-type: none"> - Các tuyến ống cấp nước Huyện Trà Ôn (Đợt II-

			<p>2017</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tuyến ống cấp nước khu vực Xã Lộc Hòa, Xã Hòa Phú, Xã Phú Quới, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long ♦ Thống nhất chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức tự thực hiện. - Các tuyến ống cấp nước D63 khu vực xã Tân Hạnh, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long.
8	06/NQ-HĐQT	21/06/2017	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thông qua việc chọn giá tham chiếu cho cổ phiếu VLW trong ngày giao dịch đầu tiên sàn Upcom là 10.400 đồng/01 cổ phiếu.
9	07/NQ-HĐQT	03/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thống nhất chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh: - Tên công trình: Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng công suất bể lắng số 1 nhà máy nước Hưng Đạo Vương, Phần Công nghệ + Thiết bị ♦ Thống nhất chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu. - Các tuyến ống cấp nước D63 khu vực Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long - Các tuyến ống cấp nước D63 - D114 Xã Trung Thành Đông, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long. - Các tuyến ống cấp nước khu vực Xã Lộc Hòa, Xã Hòa Phú, Xã Phú Quới, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long (Đợt II-2017). - Các tuyến ống cấp nước khu vực Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long (Đợt III-2017). - Cải tạo, sửa chữa kho, nhà xưởng sản xuất xí nghiệp nước uống đóng chai Việt Úc. - Xây dựng mở rộng mới kho, nhà xưởng sản xuất xí nghiệp nước uống đóng chai Việt Úc. - Tuyến ống cấp nước D114 Xã Trung Thành Đông, Huyện Vũng Liêm Tỉnh Vĩnh Long (Đợt 2 - Năm 2017). - Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng công suất bể lắng số 1 nhà máy nước Hưng Đạo Vương - Phần Xây Dựng - Sửa chữa thay thế các đoạn ống đầy trạm bơm cấp 1; cấp 2 nhà máy nước Cái Ngang. - Sơn, sửa các hạng mục chi nhánh cấp nước Tam Bình, TT Tam Bình, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long. ♦ Thống nhất chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức tự thực hiện:

			<ul style="list-style-type: none"> - Tuyến ống cấp nước D63 - D90 Xã Trung Thành, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long. - Thay thế tuyến ống cấp nước D90 qua sông cầu Cây Điều
10	08/NQ-HĐQT	02/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thống nhất chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh. - Xây dựng bể chứa nước sạch Nhà máy nước Long Hồ (Phần mua sắm lắp đặt bồn chứa 1.500m³). ♦ Thống nhất chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu. - Tuyến ống cấp nước D63 xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn và xã Ngãi Tứ huyện Tam Bình. - Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục tại chi nhánh cấp nước Vũng Liêm. - Xây dựng mới nhà để xe và nhà vệ sinh tại chi nhánh cấp nước Vũng Liêm. - Tuyến ống cấp nước D63 hẻm ấp Long Hưng, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. - Tuyến ống cấp nước D63-114 xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (Đợt 3-2017). - Đấu nối bổ sung lưu lượng tuyến ống D90 Quốc Lộ 53, Thị Trấn Long Hồ, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long. - Đấu nối bổ sung lưu lượng cho tuyến ống cấp nước PVC D114 vào Khu công nghiệp Hòa Phú. - Thay thế tuyến ống STK D114 bằng tuyến ống PE D110 qua sông Cầu Lộc Hòa. - Xây dựng bể chứa nước sạch Nhà máy nước Long Hồ (Phần xây dựng bệ đỡ, lắp đặt đường ống công nghệ, hệ thống điện điều khiển và chi phí khác). ♦ Thống nhất chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu theo hình thức tự thực hiện: - Lắp đặt hệ thống bơm chìm nhà máy nước Vũng Liêm phục vụ thi công hồ chứa nước thô. - Thay thế tuyến ống cấp nước STK D42 - D90 bằng ống PE D63 + PVC D90 Hẻm 2 khu tập thể 40 - Đường Phạm Thái Bường - Phường 4 - Thành Phố Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long. - Chuyển mạng ống nhánh đồng hồ Hẻm 2 khu tập thể 40 - Đường Phạm Thái Bường - Phường 4 - Thành Phố Vĩnh Long - Thay thế tuyến ống cấp nước STK D42-90 bằng ống PE D63 + PVC D90 Khu tập thể 717 - Đường

		Phạm Hùng - Phường 9 - Thành Phố Vĩnh Long. - Chuyển mạng ống nhánh đồng hồ Khu tập thể 717 - Đường Phạm Hùng - Phường 9 - Thành Phố Vĩnh Long - Đầu nối bổ sung lưu lượng tuyến ống D114 từ Đường 14 tháng 9 - Phường 5 - Thành Phố Vĩnh Long vào khu dân cư Minh Linh.
11	455 Quyết định/văn bản khác phục vụ công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh năm 2017	

2.3. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, năng động, đặc biệt tìm kiếm khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển khách hàng.
- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.
- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức họp và ban hành 10 Nghị quyết và 455 các Quyết định/ văn bản khác để kịp thời giải quyết các công việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh.
- Triển khai thực hiện Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng để hoàn thiện công tác quản trị công ty. Tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định. Giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng, Ban của công ty.

2.4. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc Công ty

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động. Tổng Giám đốc đã triển khai các biện pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017
- Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.
- Định kỳ, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực, tài lực phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.
- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty.
- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2017

1. Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017:

a) Kết quả sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH
1	Nước sạch tiêu thụ	m ³	14.300.000	14.639.074	102,37%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	116.879	133.553	114,27%
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	91.429	97.487	106,63%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	25.450	36.066	141,71%
5	Thuế TNDN	Triệu đồng	3.246	5.228	161,08%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	22.204	30.838	138,88%
7	Trả cổ tức	Triệu đồng	14.450	17.340	120,00%
8	Tỷ lệ % LNST/Vốn điều lệ	%	7,68%	10,67%	138,88%
9	Tỷ lệ % Cổ tức /Vốn điều lệ	%	5%	6%	120,00%
10	Vốn điều lệ	Triệu đồng	289.000	289.000	100,00%

- Sản lượng nước sạch tiêu thụ đạt 102,37% so với kế hoạch, tăng 2,37%
- Tổng doanh thu đạt 114,27% so với kế hoạch, tăng 14,27%.

♦ Trong đó:

+ Thu nhập từ khoản hoàn nhập giá trị còn lại của TSCĐ được đầu tư bằng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ là 7.851 triệu đồng.

+ Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 125.702 triệu đồng (133.553- 7.851 = 125.702 triệu đồng), đạt 107,55% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế TNDN đạt 141,71% so với kế hoạch, tăng 41,71%

♦ Trong đó:

+ Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 28.215 triệu đồng (36.066- 7.851 = 28.215 triệu đồng), tăng 110,86% so với kế hoạch.

- Kế hoạch trả cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2017 được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua mức cổ tức tối thiểu là 5%/ vốn điều lệ. Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, Hội đồng quản trị công ty dự kiến trả cổ tức năm 2017 là 6% /vốn điều lệ, lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển sang năm tiếp theo.

b) Phương án điều chỉnh giá nước sạch

Công ty đã lập và trình phương án điều chỉnh giá nước sạch năm 2018 gửi các sở ngành chức năng thẩm định đề trình UBND tỉnh Vĩnh Long xem xét quyết định điều chỉnh tăng giá tiêu thụ nước sạch dự kiến được áp dụng trong Quý 2/2018.

c) Kết quả đăng ký giao dịch cổ phiếu VLW với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán nước và được UBCKNN chấp thuận ngày 29/09/2016.

- Công ty đã hoàn tất thủ tục lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 20/01/2017 với mã chứng khoán là VLW.

- Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch chứng khoán VLW tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận ngày 10/07/2017. Cổ phiếu VLW chính thức giao dịch trên sàn Upcom ngày 17/07/2017.

d) Kết quả đầu tư xây dựng cơ bản

- Thi công lắp đặt các tuyến ống cấp nước phân phối và phát triển khách hàng năm 2017:

+ Ống phân phối: 65.113 md với giá trị 13.399 triệu đồng.

+ Lắp đặt mới đồng hồ nước: 5.185 chiếc với giá trị 8.400 triệu đồng

- Thay thế đồng hồ kiểm định định kỳ 05 năm/lần: 8.209 chiếc, với giá trị 2.632 triệu đồng.

- Sửa chữa lớn tài sản cố định, với giá trị 2.604 triệu đồng, cụ thể như sau:
 - + Xây dựng hồ thu - công trình thu, trạm bơm nước thô NMN Trường An - Xã Tân Ngãi - TPVL - Tỉnh VL với giá trị 1.039 triệu đồng.
 - + Cải tạo, sửa chữa kho, nhà xưởng sản xuất xí nghiệp nước uống đóng chai Việt Úc - Số 54 - Đường Nguyễn Huệ - Phường 2 – TPVL với giá trị 440 triệu đồng.
 - + Nâng công suất trạm biến áp NMN Vũng Liêm với giá trị 289 triệu đồng.
 - + Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục tại chi nhánh cấp nước Vũng Liêm - Ấp Trung Tín - Thị trấn Vũng Liêm - Huyện Vũng Liêm với giá trị 266 triệu đồng.
 - + Sơn lại các hạng mục tại chi nhánh cấp nước thị trấn Tam Bình - Huyện Tam Bình - Tỉnh VL với giá trị 235 triệu đồng.
 - + Sửa chữa, thay thế các đoạn ống đẩy trạm bơm cấp 1; cấp 2 nhà máy nước Cái Ngang với giá trị 335 triệu đồng.
- Công tác triển khai thực hiện các dự án:
 - ♦ *Dự án các năm trước thực hiện lũy kế đến ngày 31/12/2017*
 - + Dự án quy hoạch tổng thể HTCN đô thị tỉnh Vĩnh Long năm 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với tổng mức đầu tư 1,9 tỷ đồng, đến 31/12/2017 đã thực hiện 568 triệu đồng.
 - + Dự án đầu tư xây dựng phân công nghệ, điện trạm bơm nước thô Nhà máy nước Trường An, công suất: 20.000 m³/ngđ với tổng mức đầu tư 5,3 tỷ đồng đến 31/12/2017 đã thực hiện được 81% giá trị công trình tương ứng số tiền 4,3 tỷ đồng.
 - ♦ *Dự án năm 2017 thực hiện lũy kế đến ngày 31/12/2017*
 - + Dự án xây dựng hồ chứa nước thô NMN Vũng Liêm, tổng mức đầu tư 17,5 tỷ đồng, đến 31/12/2017 đã giải ngân 14.999 triệu đồng (trong đó tiền bồi thường giải tỏa mặt bằng cho các hộ dân là 14.539 triệu đồng).

2. Các mặt hoạt động của Công ty, thuận lợi, khó khăn.

Thực hiện tốt công tác vận hành, khai thác hệ thống cấp nước và công tác đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, cụ thể sản lượng nước sạch tiêu thụ năm 2017 đã sản xuất và cung cấp đến người tiêu dùng 14.639.074 m³ đạt 102,37% so với kế hoạch.

Công tác phát triển mạng lưới ống phân phối và lắp đặt đồng hồ nước để mở rộng sản xuất kinh doanh đến ngày 31/12/2017 công ty đã đạt 64.118 hộ khách hàng sử dụng nước trong toàn đô thị Tỉnh (*không tính Bình Minh, Bình Tân và Mang Thít*). Nâng tỷ lệ dân số được cấp nước sạch trên địa bàn đô thị tỉnh Vĩnh Long lên 99,1% với mức cung cấp nước sạch bình quân khu vực đô thị là 115 lít/người/ngđ đạt và vượt mục tiêu quốc gia.

Thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ và khắc phục các sự cố hư hỏng, duy trì sự hoạt động cấp nước liên tục tại các đô thị đảm bảo cung cấp nước cho nhân dân trong sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn đô thị tỉnh Vĩnh Long.

Tuy nhiên, Công ty vẫn còn vướng phải các vấn đề khó khăn nhất định như: Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án đầu tư hệ thống cấp nước gặp rất nhiều khó khăn, thời gian kéo dài.

Áp lực về chỉ tiêu trả cổ tức hàng năm bắt buộc Công ty phải thực hiện chính sách quản trị doanh nghiệp thật tốt, tính toán và thực hiện giảm tối đa chi phí để tăng lợi nhuận. Nhưng bên cạnh đó vẫn phải đảm bảo nguồn vốn tích lũy để trả nợ gốc vốn vay, đảm bảo tiền lương cho người lao động và trả lãi vay Ngân hàng.

Nguồn vốn để thực hiện các dự án phát triển mạng trước đây chủ yếu là nguồn vốn Ngân sách. Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ phải tiếp tục thực hiện bằng các nguồn vốn vay tín dụng và nguồn vốn tự có của Công ty nên đòi hỏi Công ty phải cân đối, phân kỳ đầu tư, ưu tiên các dự án thực hiện trước nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của nhân dân và hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp.

Tình hình giá cả các mặt hàng: Hóa chất, nhiên liệu và điện năng có chiều hướng tăng làm cho chi phí sản xuất tăng đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017.

3. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo tài chính hàng quý, năm. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính trong năm 2017 luôn được Hội đồng quản trị chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát các chỉ tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đầu tư xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật...Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

IV. BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS, NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY CHUYÊN TRÁCH NĂM 2017

1. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thù lao/Tiền lương			Tiền thưởng (đồng/năm)	Tổng cộng (đồng/năm)
		Số lượng TV (người/năm)	B/Q tháng/người	Giá trị (đồng/năm)		
1	Thù lao TV HĐQT	4	4.500.000	216.000.000	-	216.000.000
2	Thù lao TV BKS	2	3.000.000	72.000.000	-	72.000.000
3	Người quản lý công ty chuyên trách (*)	6	37.050.000	2.667.600.000	333.450.000	3.001.050.000

(*) Người quản lý công ty chuyên trách gồm: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Trưởng Ban kiểm soát, 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Tổng Giám đốc năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị (đồng/năm)	Ghi chú
1	Thù lao thành viên HĐQT	Đồng	54.000.000	
2	Tiền lương Tổng Giám đốc	Đồng	504.000.000	
3	Tiền thưởng Tổng Giám đốc	Đồng	59.800.351	
	Tổng cộng		617.800.351	

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Trong năm 2018 dự báo tình hình kinh tế Việt Nam tiếp tục ổn định và đang trên đà phát triển. Tuy nhiên doanh nghiệp sẽ đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn các chi phí đầu vào tiếp tục tăng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu mà trực tiếp là tình trạng xâm nhập mặn, trong bối cảnh đó HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty trong năm 2018 như sau:

- Chỉ đạo quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tăng cường công tác dự báo tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng vùng phục vụ của công ty.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao và nhiệt quyết trong công việc, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định, quy chế quản trị nội bộ, đặc biệt là việc xây dựng và ban hành bộ định mức đối với hoạt động xây lắp và sản xuất nước sạch, nước đóng chai... đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí đến từng bộ phận, trả lương theo năng suất và hiệu quả công việc (lương 3P).
- Phấn đấu đạt tỷ lệ hộ dân cấp nước theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tập trung thực hiện cấp nước an toàn, đầu tư có chiều sâu để giảm tỷ lệ thất thoát nước, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của tất cả khách hàng trên địa bàn tỉnh.
- Tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.
- Chỉ đạo điều hành tái cơ cấu toàn diện công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, hiệu quả trong điều hành tập trung vào các hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh nước sạch đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác đầu tư ở những lĩnh vực cho phép.
- Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả quản trị điều hành năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

ĐẶNG TẤN CHIẾN

DỰ THẢO

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 49 Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long;

Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và kết quả kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty.

Về đánh giá kết quả các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017: Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả hoạt động năm 2017 của HĐQT về các mặt: kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản lý công nợ và các mặt công tác khác của Công ty, đồng thời báo cáo đã nêu rõ những vấn đề còn tồn tại và lưu ý những vấn đề cần quan tâm chỉ đạo thực hiện trong năm 2018.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2017 và kế hoạch năm 2018 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long được tổ chức ngày 25/05/2016 (Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2020), Chúng tôi được Đại hội đồng cổ đông bầu là thành viên Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát đã thống nhất việc phân công công việc trong nhiệm kỳ gồm:

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| + Ông Lương Minh Triết | - Trưởng Ban kiểm soát |
| + Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung | - Thành viên Ban kiểm soát |
| + Bà Trần Thị Huỳnh Mai | - Thành viên Ban kiểm soát |

Trong năm 2017 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt

động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra: từ đầu năm 2017, Ban kiểm soát đã lên kế hoạch kiểm tra thường xuyên mọi hoạt động của Công ty; đồng thời trong năm đã thực hiện việc kiểm tra theo chuyên đề “Về việc thực hiện các chế độ, chính sách với người lao động tại Công ty”; giám sát việc thực hiện công tác kế toán trên phần mềm kế toán mới Bravo. Các thành viên Ban kiểm soát cũng đã trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản năm 2017 cùng với đoàn kiểm kê của Công ty và đơn vị kiểm toán độc lập...

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,... của Công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Giám sát việc sửa đổi Điều lệ Công ty và đóng góp ý kiến dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty...

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

STT	Họ Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ%
1	Lương Minh Triết	Trưởng Ban kiểm soát	05/05	100%
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	05/05	100%
3	Bà Trần Thị Huỳnh Mai	Thành viên Ban kiểm soát	05/05	100%

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát đều được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát cũng đã tích cực học tập, nâng cao nghiệp vụ do Công ty tổ chức. Trong năm, các thành viên Ban kiểm soát còn tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng dài hạn về chuyên ngành kế toán; các khóa huấn luyện các chuyên đề về quản lý tài chính, kế toán, chính sách thuế nhằm đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ, cập nhật kịp thời các qui định của Nhà nước.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ

quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao; đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH:

1/ Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017) đã được thực hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh của HĐQT và Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính năm 2017 (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017) của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện.

Các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết ĐHĐCĐ giao năm 2017, thực hiện như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng tiêu thụ	m ³	14.300.000	14.639.074	102,37%
2	Doanh thu	Triệu đồng	116.879	133.553	114,27%
3	Lợi nhuận trước thuế (*)	Triệu đồng	25.450	36.066	141,71%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	22.204	30.838	138,88%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	%	7,68	10,67	138,93%
6	Tỷ suất cổ tức / Vốn cổ phần	%	5	6	120,00%

Ghi chú:

- + Sản lượng nước sạch tiêu thụ đạt 102,37% so với kế hoạch, tăng 2,37%
- + Tổng doanh thu đạt 114,27% so với kế hoạch, tăng 14,27%.
- + Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 138,88% so với kế hoạch, tăng 38,88%
- Công ty luôn chú trọng công tác quản lý vận hành, kiểm soát chất lượng nước, chống thất thoát nước, tiết kiệm điện năng, vật tư sản xuất nước...
- Thực hiện tốt công tác vận hành, khai thác hệ thống cấp nước và công tác đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, sản lượng nước tiêu thụ của công ty năm 2017 là 14.639.074 m³ tăng 2,37% so với kế hoạch; lắp đặt phát triển khách hàng tăng thêm 5.185 hộ, nâng tổng hộ sử dụng nước tính đến ngày 31/12/2017 lên đến 64.118 hộ trong toàn đô thị trong Tỉnh (ngoại trừ Bình Minh, Bình Tân và Mang Thít). Nâng tỷ lệ dân số được cấp nước sạch trên địa bàn đô thị tỉnh Vĩnh Long lên 99,1% với mức cung cấp nước sạch bình quân là 115 lít/người/ngđ đạt và vượt mục tiêu quốc gia.

2/ Về công tác đầu tư phát triển:

- Công tác thi công lắp đặt các tuyến ống cấp nước phân phối và đồng hồ nước:
- + Ống phân phối: 65.113 m với giá trị 13.399 triệu đồng.

+ Lắp đặt mới đồng hồ nước: 5.185 chiếc với giá trị 8.400 triệu đồng.

- Công tác triển khai thực hiện các dự án:

+ Dự án các năm trước thực hiện lũy kế đến ngày 31/12/2017:

++ Dự án quy hoạch tổng thể HTCN đô thị tỉnh Vĩnh Long năm 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với tổng mức đầu tư 1,9 tỷ đồng, đến 31/12/2017 đã thực hiện 568 triệu đồng.

++ Dự án đầu tư xây dựng phần công nghệ, điện trạm bơm nước thô Nhà máy nước Trường An, công suất: 20.000 m³/ngđ với tổng mức đầu tư 5,3 tỷ đồng đến 31/12/2017 đã thực hiện được 81% giá trị công trình tương ứng số tiền 4,3 tỷ đồng.

+ Dự án năm 2017 thực hiện lũy kế đến ngày 31/12/2017:

++ Dự án xây dựng hồ chứa nước thô NMN Vũng Liêm, tổng mức đầu tư 17,5 tỷ đồng, đến 31/12/2017 đã giải ngân 14.999 triệu đồng (trong đó tiền bồi thường giải tỏa mặt bằng cho các hộ dân là 14.539 triệu đồng).

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Thẩm định báo cáo tài chính :

- Báo cáo tài chính năm 2017 (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017) bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định.

- Báo cáo tài chính năm 2017 (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty: “... phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017:

DVT: VND

CHỈ TIÊU		31/12/2017	31/12/2016
	TỔNG TÀI SẢN	424.041.703.438	395.609.028.369
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	145.770.666.915	132.535.891.047
I-	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.986.618.410	11.162.222.442
II-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	112.734.000.000	93.063.000.000
III-	Các khoản phải thu ngắn hạn	14.323.491.035	16.837.540.403
IV-	Hàng tồn kho	12.324.904.319	10.754.497.287
V-	Tài sản ngắn hạn khác	401.653.151	718.630.915

CHỈ TIÊU		31/12/2017	31/12/2016
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	278.271.036.523	263.073.137.322
I-	Các khoản phải thu dài hạn	0	
II-	Tài sản cố định	238.814.799.184	243.554.850.802
III-	Bất động sản đầu tư	0	
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	19.008.699.270	2.676.406.947
V-	Đầu tư tài chính dài hạn	14.710.754.818	10.150.754.818
VI-	Tài sản dài hạn khác	5.736.783.251	6.691.124.755
	TỔNG NGUỒN VỐN	424.041.703.438	395.609.028.369
A-	NỢ PHẢI TRẢ	125.813.432.226	103.137.082.701
I-	Nợ ngắn hạn	52.415.323.276	33.738.482.753
II-	Nợ dài hạn	73.398.108.950	69.398.599.948
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU	298.228.271.212	292.471.945.668
I-	Vốn chủ sở hữu	297.659.633.243	291.903.307.699
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	289.000.000.000	289.000.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	8.194.113.090	371.365.878
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	465.520.153	2.531.941.821
II-	Nguồn kinh phí và quỹ khác	568.637.969	568.637.969

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2017:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017
1- Cơ cấu tài sản		
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	65,62
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	34,38
2- Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,00
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	70,00
Nợ phải trả/Vốn CSH	%	42,19
3- Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,55
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tổng tài sản/Nợ ngắn hạn)	Lần	8,09
Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	3,37
4- Hiệu quả		
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,27
Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	23,09

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	10,34
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	10,67

- Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác SXKD, ĐTXD; đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định. Tính đến thời điểm 31/12/2017, các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

- Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn CSH năm 2017 đạt 0,42 lần. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán hiện hành đều đảm bảo trên 1 lần.

- Công ty theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu theo từng đối tượng khách hàng, theo từng hợp đồng, có phân loại tuổi nợ chi tiết và thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến trích lập dự phòng nợ phải thu thể hiện sự chủ động trong phân loại, xử lý các khoản công nợ này, đảm bảo không gây ảnh hưởng đột biến tới kết quả kinh doanh hàng năm.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, tổng số phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm 2017 là 10,976 tỷ đồng.

- Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam; Ban kiểm soát Công ty nhất trí xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2017 (từ ngày 31/01/2017 đến ngày 31/12/2017) của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017:

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm 2017, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty.

Báo cáo hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2018. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trong năm 2017.

2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên năm 2017:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm

2017. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2017 (từ ngày 31/01/2017 đến ngày 31/12/2017) của Công ty.

- Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua; chi tiết đã được thể hiện trên phần IV (Báo cáo tiền lương, tiền thưởng, thù lao của HĐQT, BKS, người quản lý công ty chuyên trách năm 2017) trong Báo cáo của HĐQT năm 2017 tại ĐHĐCĐ 2018.

Trong năm 2017, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, các Đơn vị trực thuộc, Phòng/Ban nghiệp vụ đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, tổ chức kinh doanh có lãi, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông.

3. Kết quả niêm yết Sở giao dịch chứng khoán:

- Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán nước và được UBCKNN chấp thuận ngày 29/09/2016.

- Công ty đã hoàn tất thủ tục lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 20/01/2017 với mã chứng khoán là VLW.

- Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch chứng khoán VLW tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận ngày 10/07/2017. Cổ phiếu VLW chính thức giao dịch trên sàn Upcom ngày 17/07/2017..

4. Các hoạt động công tác khác:

- Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

+ Việc thực hiện ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

+ Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV ngoài việc thực hiện đúng Luật Lao động còn có biện pháp theo dõi, sắp xếp lực lượng lao động trong Công ty phù hợp với sức khỏe của người lao động.

+ Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, ốm đau, bệnh tật... được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động trong Công ty ngoài ra Công ty còn tổ chức tham quan học tập trong nước, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao,..., nhằm giúp người lao động có tinh thần làm việc làm ổn định, đời sống được đảm bảo.

- Các tổ chức chính trị xã hội: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên... đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí hoạt động theo đúng luật định.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán và Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát sẽ thực hiện giám sát công tác thoái vốn nhà nước tại Công ty; tiếp tục giám sát việc xây dựng, hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đồng thời kiểm soát việc thực hiện các quy chế, quy trình quản lý này.

Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty.

Giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính ĐHCĐ giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và đúng pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng thang bảng lương theo phương pháp 3P, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động...

- Tổ chức học tập, nâng cao nhận thức về an toàn lao động và tăng cường công tác giám sát kiểm tra an toàn, phòng chống cháy nổ.

- Lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả; Tiếp tục ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh (SCADA, GIS...), tích cực chống thất thoát, thất thu nước; thực hiện tốt công tác cấp nước an toàn, đảm bảo chất lượng nước máy, nước đóng chai theo tiêu chuẩn quy định...

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2017:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và toàn thể CBCNV của Công ty CP Cấp Nước Vĩnh Long. Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2017

theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông giao.

1. Ông Lương Minh Triết- Trưởng Ban kiểm soát: Tổ chức thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết, Quy chế, Quy định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Giám sát hoạt động tài chính, thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát hiệu quả việc thực hiện thủ tục, quy trình các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư, công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế. Kiểm soát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có liên quan đến công tác tài chính kế toán của Công ty và phân chia cổ tức hàng năm.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Thành viên Ban kiểm soát: kiểm soát tính tuân thủ về pháp lý các văn bản của Công ty (Cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc) theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Kiểm soát việc tuân thủ qui định về công bố thông tin của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện thu nộp tiền nước. Xem xét kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm.

3. Bà Trần Thị Huỳnh Mai- Thành viên Ban kiểm soát: kiểm soát thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác tài chính kế toán của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động và việc tổ chức thực hiện Luật lao động trong Công ty. Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh nước đóng chai.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2017. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 hôm nay, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trình trước Đại hội, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua và xác nhận báo cáo của Ban kiểm soát.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp.

Trân trọng báo cáo Đại hội.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu: BKS, Thư ký HĐQT, TCHC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lương Minh Triết

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: -----
/TT-CNVL

TP.Vĩnh Long, ngày 10 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 25/05/2016;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi **Công ty TNHH Kiểm Toán CPA VIETNAM** như sau:

(Báo cáo kiểm toán kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Thành viên HDQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐẶNG TẤN CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được Cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long theo quyết định số 378/QĐ.UBND ngày 13 tháng 03 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 401/ QĐ.UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long thành công ty cổ phần; Quyết định số 3090/ QĐ.UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và số tiền phải nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 150017483, ngày 31 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Vốn điều lệ là 289.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi chín tỷ đồng).

Tên tiếng Anh: Vinh Long Water Supply joint Stock Company

Địa chỉ đăng ký: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Ông Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tấn Phát	Thành viên
Bà Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Nhân	Thành viên
Bà Lê Thị Quyến	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tấn Phát	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Bản	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 21/03/2017)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tấn Phát
Tổng Giám đốc
Vĩnh Long, ngày 20 tháng 3 năm 2018



Đặng Tấn Chiến
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 269/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Trong năm 2017 Công ty tính và thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt với mức 5% trên giá bán 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng căn cứ vào Nghị quyết số 96/2014/NQ-HĐND ngày 11/07/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long, và quyết định số 07/2017/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Long ngày 28 tháng 3 năm 2017 về việc ban hành giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long áp dụng từ ngày 14/4/2017. Tuy nhiên theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP hiệu lực từ ngày 01/01/2017, mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, công ty chưa được hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền về việc tính và thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP. Do đó báo cáo này chưa bao gồm những điều chỉnh (nếu có) liên quan đến phí bảo vệ môi trường.



A blue ink signature of Nguyễn Tiến Trinh.

Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Tiến Trinh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2018-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		145.770.666.915	132.535.891.047
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.986.618.410	11.162.222.442
1. Tiền	111		5.986.618.410	11.162.222.442
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	112.734.000.000	93.063.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		112.734.000.000	93.063.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.323.491.035	16.837.540.403
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	9.477.563.787	8.842.940.642
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.417.218.000	2.825.379.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.343.048.754	5.249.567.937
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(914.339.506)	(80.347.176)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	12.324.904.319	10.754.497.287
1. Hàng tồn kho	141		12.324.904.319	10.754.497.287
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		401.653.151	718.630.915
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	276.226.052	89.507.300
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		117.437.599	629.123.615
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	7.989.500	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		278.271.036.523	263.073.137.322
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		238.814.799.184	243.554.850.802
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	238.602.400.271	243.487.653.228
- Nguyên giá	222		475.457.075.770	457.837.712.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(236.854.675.499)	(214.350.059.373)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	212.398.913	67.197.574
- Nguyên giá	228		463.834.100	256.474.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(251.435.187)	(189.276.526)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	19.008.699.270	2.676.406.947
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.008.699.270	2.676.406.947
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.710.754.818	10.150.754.818
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.11	6.910.754.818	7.306.754.818
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	300.000.000	300.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	7.500.000.000	2.544.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		5.736.783.251	6.691.124.755
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	5.736.783.251	6.691.124.755
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		424.041.703.438	395.609.028.369

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		125.813.432.226	103.137.082.701
I- Nợ ngắn hạn	310		52.415.323.276	33.738.482.753
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.527.594.412	4.439.219.413
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		107.639.771	54.199.260
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.614.290.217	1.148.601.506
4. Phải trả người lao động	314	5.14	11.146.696.695	10.525.426.353
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	756.150.837	394.505.902
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	18.364.808.426	4.198.397.931
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	5.307.480.000	5.651.780.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.590.662.918	7.326.352.388
II- Nợ dài hạn	330		73.398.108.950	69.398.599.948
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	17.524.118.814	2.985.533.000
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.17	50.421.316.636	55.384.496.636
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		22.965.972	36.745.558
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.18	5.429.707.528	10.991.824.754
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		298.228.271.212	292.471.945.668
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	297.659.633.243	291.903.307.699
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		289.000.000.000	289.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		289.000.000.000	289.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.194.113.090	371.365.878
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối - LNST chưa phân phối kì này	421 421b		465.520.153 465.520.153	2.531.941.821 2.531.941.821
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		568.637.969	568.637.969
1. Nguồn kinh phí	431	5.20	568.637.969	568.637.969
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		424.041.703.438	395.609.028.369

Vinh Long, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Văn Thắng

Bùi Thiện Ngọc Minh

Nguyễn Tấn Phát



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

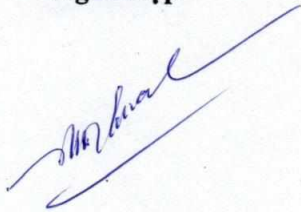
CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2017	Từ 31/05/2016
			đến 31/12/2017	đến 31/12/2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	117.300.868.246	57.087.348.369
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	1.364.039	3.163.061
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	117.299.504.207	57.084.185.308
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	51.483.114.462	28.422.744.045
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		65.816.389.745	28.661.441.263
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	7.784.881.822	4.358.570.679
7. Chi phí tài chính	22	5.24	180.053.522	110.215.549
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>180.053.522</i>	<i>110.215.549</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.25	26.181.169.696	16.384.080.321
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.26	19.281.728.108	8.005.969.837
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		27.958.320.241	8.519.746.235
11. Thu nhập khác	31	5.27	8.468.431.961	387.954.856
12. Chi phí khác	32	5.27	360.655.376	168.030.457
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		8.107.776.585	219.924.399
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		36.066.096.826	8.739.670.634
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	5.242.121.999	1.320.391.163
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(13.779.586)	(8.038.092)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		30.837.754.413	7.427.317.563
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	799,18	200,46

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Văn Thắng

Bùi Thiện Ngọc Minh

Nguyễn Tấn Phát

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.066.096.826	8.739.670.634
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	22.638.119.314	12.300.353.167
- Các khoản dự phòng	03	833.992.330	80.347.176
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.756.873.905)	(4.304.245.365)
- Chi phí lãi vay	06	180.053.522	110.215.549
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	51.961.388.087	16.926.341.161
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	3.593.211.303	(3.847.725.282)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(1.570.407.032)	589.299.162
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(22.789.926.434)	(69.432.174.662)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	767.622.752	899.227.879
- Tiền lãi vay đã trả	14	(137.438.683)	(95.987.706)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.946.704.751)	(2.744.189.407)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.603.215.814	479.085.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.772.803.849)	(805.766.675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.708.157.207	(58.031.890.530)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	21	(15.988.106.407)	(16.591.127.594)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	-	23.823.941.400
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(165.041.000.000)	(108.787.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	140.480.000.000	114.010.689.500
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.705.424.073	4.846.408.825
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.843.682.334)	17.302.912.131
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	1.795.291.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.307.480.000)	(3.115.990.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.732.598.905)	(25.153.693.037)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.040.078.905)	(26.474.392.037)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(5.175.604.032)	(67.203.370.436)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.162.222.442	78.365.592.878
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.986.618.410	11.162.222.442

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Văn Thắng

Bùi Thiện Ngọc Minh

Nguyễn Tấn Phát



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức Cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long theo quyết định số 378/QĐ.UBND ngày 13 tháng 03 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 401/ QĐ.UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long thành công ty cổ phần; Quyết định số 3090/ QĐ.UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và số tiền phải nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 150017483, ngày 31 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Tên tiếng Anh: Vinh Long Water Supply joint Stock Company

Tên viết tắt: VWACO

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần là 289.000.000.000 đồng.

Cổ đông sở hữu vốn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017:

Cổ đông	31/12/2017			01/01/2017		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị VND	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị VND
UBND tỉnh Vĩnh Long (vốn Nhà nước)	74,05%	21.399.500	213.995.000.000	74,05%	21.399.500	213.995.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Bằng	5,00%	1.445.000	14.450.000.000	5,00%	1.445.000	14.450.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	15,25%	4.408.181	44.081.810.000	15,25%	4.408.181	44.081.810.000
Các cổ đông khác	5,70%	1.647.319	16.473.190.000	5,70%	1.647.319	16.473.190.000
Cộng	100%	28.900.000	289.000.000.000	100%	28.900.000	289.000.000.000

Công ty hiện đang được lưu ký trên Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Mã cổ phiếu là VLW

Địa chỉ đăng ký: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 254 người (Tại ngày 31/12/2016 là: 261 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh đăng ký là sản xuất, kinh doanh nước sạch; sản xuất nước uống đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công xây lắp công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh cả dự án cấp nước; tư vấn xây dựng, bao gồm: thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là kinh doanh nước sạch và sản xuất nước uống đóng chai

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính khấu hao trong vòng 04 năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo quyết định công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 10 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập không vượt quá 10% thu nhập tính thuế và được hạch toán vào chi phí và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Việc quản lý và sử dụng quỹ cho mục đích phát triển các hoạt động đầu tư khoa học và công nghệ theo kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ được phê duyệt của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty theo quy định tại thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty và các quy định hiện hành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu hoạt động cung cấp nước sạch của Công ty được ghi nhận theo sản lượng nước sạch thực tế phát sinh của các cá nhân, tổ chức sử dụng dịch vụ nước sạch của công ty thông qua việc nghiệm thu chỉ số nước tiêu dùng hằng năm và đơn giá bán nước sạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực xã hội hóa về môi trường và thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế các hoạt động còn lại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	51.953.800	22.972.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.934.664.610	11.139.249.542
Cộng	5.986.618.410	11.162.222.442

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn	112.734.000.000	112.734.000.000	93.063.000.000	93.063.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh				
Vượng - Chi nhánh Vĩnh Long	23.308.000.000	23.308.000.000	8.380.000.000	8.380.000.000
Ngân hàng TMCP Xây dựng				
- Chi nhánh Vĩnh Long	2.050.000.000	2.050.000.000	2.065.000.000	2.065.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển				
- Chi nhánh Vĩnh Long	14.880.000.000	14.880.000.000	20.320.000.000	20.320.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển				
Cửu Long	-	-	1.835.000.000	1.835.000.000
Ngân hàng HD Bank				
- Chi nhánh Vĩnh Long	3.270.000.000	3.270.000.000	1.235.000.000	1.235.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương				
- CN Vĩnh Long	34.000.000.000	34.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sacombank				
- CN Vĩnh Long	1.436.000.000	1.436.000.000	1.348.000.000	1.348.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn				
- CN Vĩnh Long	23.705.000.000	23.705.000.000	22.230.000.000	22.230.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam				
- Khu vực Cần Thơ	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kiên Long				
- Chi nhánh Vĩnh Long	9.012.000.000	9.012.000.000	5.650.000.000	5.650.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông				
- Chi nhánh Vĩnh Long	1.073.000.000	1.073.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
b1) Dài hạn	7.500.000.000	7.500.000.000	2.544.000.000	2.544.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh				
vượng - CN Vĩnh Long	-	-	2.544.000.000	2.544.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển				
- Chi nhánh Vĩnh Long	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Cộng	120.234.000.000	120.234.000.000	95.607.000.000	95.607.000.000

Công ty ký hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng TMCP nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.

Khi phân tích các chỉ tiêu tài chính, khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và có thời gian thu hồi còn lại dưới 03 tháng tại thời điểm báo cáo với số tiền là: 46.436.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2016 là: 43.313.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	9.477.563.787	8.842.940.642
Phải thu tiền nước	7.433.661.870	7.261.995.444
Phí bảo vệ môi trường	266.861.774	267.237.484
Phòng Công Thương Huyện Tam Bình	246.516.000	246.516.000
Ban quản lý dự án Giao thông	779.036.700	593.610.200
Các đối tượng khác	751.487.443	473.581.514
Cộng	9.477.563.787	8.842.940.642

5.4 Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.343.048.754	-	5.249.567.937	-
Tạm ứng	180.000.000	-	2.525.025.050	-
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân	350.000.000	-	403.251.761	-
Dự thu lãi tiền gửi Ngân hàng	3.038.851.715	-	1.874.393.966	-
Công Ty Cổ phần Nước và Môi Trường Cửu Long	288.000.000	-	108.000.000	-
BHXH phải thu người lao động	88.955.550	-	82.583.928	-
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Mang Thít	36.000.000	-	21.000.000	-
Phải thu khác	361.241.489	-	235.313.232	-
Cộng	4.343.048.754	-	5.249.567.937	-

5.5 Nợ phải thu khó đòi

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, cụ thể:	1.166.942.668	252.603.162	97.481.486	17.134.310
Tiền nước	54.200.596	16.103.722	48.760.014	17.134.310
Doanh nghiệp tư nhân Huệ Ngọc	9.118.000	-	9.118.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thái Sơn	30.686.000	-	30.686.000	-
Sở Văn Hóa Thông tin truyền thông Vĩnh Long	8.917.472	-	8.917.472	-
Ban quản lý DA đầu tư xây dựng huyện Trà Ôn	28.525.500	-	-	-
Ban quản lý dự án giao thông Vĩnh Long	589.565.100	150.624.240	-	-
Phòng công thương huyện Tam Bình	246.516.000	-	-	-
Phòng quản lý đô thị TP Vĩnh Long	199.414.000	85.875.200	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Nợ phải thu khó đòi (Tiếp theo)*Trong đó:*

	Quá hạn dưới 01 năm	Quá hạn từ 01 - 02 năm	Quá hạn từ 02 - 03 năm	Quá hạn trên 03 năm
Phải thu đối tượng tiền nước	7.825.980	10.706.461	17.574.351	18.093.804
DNTN Huệ Ngọc	-	-	-	9.118.000
Công ty TNHH Xây dựng Thái Sơn	-	-	-	30.686.000
BQL dự án ĐTXD huyện Trà Ôn	-	-	-	28.525.500
Ban quản lý dự án giao thông Vinh Long	-	-	502.080.800	87.484.300
Phòng Công thương huyện Tam Bình	-	-	-	246.516.000
Phòng quản lý đô thị TP Vinh Long	-	141.547.000	50.339.000	7.528.000
Sở Văn Hóa TT nợ tiền bảo hành công trình	-	-	-	8.917.472
Cộng	7.825.980	152.253.461	569.994.151	436.869.076

5.6 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.782.981.859	-	9.732.757.683	-
Công cụ, dụng cụ	813.388.848	-	803.561.077	-
Chi phí SX KDDD	557.481.574	-	70.936.089	-
Thành phẩm	171.052.038	-	147.242.438	-
Cộng	12.324.904.319	-	10.754.497.287	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	276.226.052	89.507.300
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	276.226.052	89.507.300
b) Dài hạn	5.736.783.251	6.691.124.755
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	314.956.375	220.210.927
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	4.725.906.810	5.287.400.682
TSCĐ chuyển sang chi phí chờ phân bổ khi thực hiện Cổ phần hóa	695.920.066	1.183.513.146
Cộng	6.013.009.303	6.780.632.055

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và được phân bổ dài hạn trong vòng 10 năm kể từ ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại 31/05/2016 theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư 01/01/2017	97.062.291.380	71.284.962.735	288.608.172.834	882.285.652	457.837.712.601
Tăng trong kỳ	1.000.176.273	676.124.816	15.923.414.524	119.000.000	17.718.715.613
Mua trong năm	-	250.000.000	1.319.890.909	119.000.000	1.688.890.909
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.000.176.273	426.124.816	14.603.523.615	-	16.029.824.704
Giảm trong kỳ	-	50.175.111	49.177.333	-	99.352.444
Thanh lý nhượng bán	-	50.175.111	49.177.333	-	99.352.444
Số dư tại 31/12/2017	98.062.467.653	71.910.912.440	304.482.410.025	1.001.285.652	475.457.075.770
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư 01/01/2017	43.363.846.257	37.512.625.524	132.780.583.451	693.004.141	214.350.059.373
Tăng trong kỳ	3.625.457.385	5.672.083.948	13.161.703.349	116.715.971	22.575.960.653
Khấu hao trong năm	3.625.457.385	5.672.083.948	13.161.703.349	116.715.971	22.575.960.653
Giảm trong kỳ	-	50.175.111	21.169.416	-	71.344.527
Thanh lý nhượng bán	-	50.175.111	21.169.416	-	71.344.527
Số dư tại 31/12/2017	46.989.303.642	43.134.534.361	145.921.117.384	809.720.112	236.854.675.499
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	53.698.445.123	33.772.337.211	155.827.589.383	189.281.511	243.487.653.228
Tại ngày 31/12/2017	51.073.164.011	28.776.378.079	158.561.292.641	191.565.540	238.602.400.271

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thể chấp ngân hàng tại ngày 31/12/2017 là: 101.838.801.803 đồng (tại ngày 31/12/2016 là: 101.838.801.803 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết giá trị khấu hao vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2017: 7.633.997.899 đồng (tại ngày 31/12/2016 là: 2.908.467.263 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	<u>Phần mềm vi tính</u>	<u>Cộng</u>
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2017	256.474.100	256.474.100
Tăng trong kỳ	207.360.000	207.360.000
Mua trong năm	207.360.000	207.360.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 31/12/2017	463.834.100	463.834.100
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2017	189.276.526	189.276.526
Tăng trong kỳ	62.158.661	62.158.661
Khấu hao trong năm	62.158.661	62.158.661
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 31/12/2017	251.435.187	251.435.187
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	67.197.574	67.197.574
Tại 31/12/2017	212.398.913	212.398.913

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.008.699.270	2.676.406.947
Hệ thống cấp nước huyện Long Hồ	296.930.000	107.305.227
Công trình hồ chứa nước thô Vũng Liêm	14.555.861.693	-
Tuyến ống cấp nước D63 - 90 Xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm	522.522.541	-
Lắp đặt bơm cấp 1 NMN Vũng Liêm phục vụ thi công hồ chứa nước thô	878.553.331	-
Phần công nghệ trạm bơm nước thô NMN Trường An	1.591.814.227	-
Công trình khác	1.163.017.478	2.569.101.720
Cộng	19.008.699.270	2.676.406.947

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		Số lượng	31/12/2017			Số lượng	01/01/2017		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)		VND Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	VND Dự phòng		VND Giá gốc	VND Giá trị hợp lý	VND Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				6.910.754.818	6.910.754.818	-		7.306.754.818	7.306.754.818	-
Công ty Cổ phần nước và môi trường Cửu Long	20%	20%	180.000	1.910.754.818	1.910.754.818	-	180.000	2.306.754.818	2.306.754.818	-
Công ty Cổ phần nước và môi trường Bình Tân	25%	25%	500.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	500.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác				300.000.000	300.000.000	-		300.000.000	300.000.000	-
Công ty Cổ phần nước và môi trường Mang Thít	15,00%	15,00%	30.000	300.000.000	300.000.000	-	30.000	300.000.000	300.000.000	-
Cộng				7.210.754.818	7.210.754.818	-		7.606.754.818	7.606.754.818	-

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	4.527.594.412	4.527.594.412	4.439.219.413	4.439.219.413
Công ty CP Hawaco Miền Nam	-	-	895.400.000	895.400.000
Công ty TNHH XD Thành Công	-	-	140.349.000	140.349.000
Công ty TNHH Hóa nhựa Đệ Nhất	46.286.900	46.286.900	640.467.238	640.467.238
Công ty Sáu Phát	1.540.237.000	1.540.237.000	970.469.000	970.469.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Công nghệ	519.600.000	519.600.000	-	-
Công ty TNHH Bảo Hà Mê Kong	338.875.000	338.875.000	-	-
Trung tâm tư vấn Xây dựng	352.071.000	352.071.000	-	-
Công ty CP Nước và Môi Trường Cửu Long	628.652.430	628.652.430	-	-
Các đối tượng khác	1.101.872.082	1.101.872.082	1.792.534.175	1.792.534.175
Cộng	4.527.594.412	4.527.594.412	4.439.219.413	4.439.219.413

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2017
Phải nộp	1.148.601.506	10.992.197.966	9.526.509.255	2.614.290.217
Thuế GTGT	-	1.339.221.962	1.339.221.962	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	771.232.841	5.242.121.999	3.946.704.751	2.066.650.089
Thuế thu nhập cá nhân	116.157.000	551.769.822	432.130.547	235.796.275
Thuế tài nguyên	13.392.230	222.725.840	210.351.690	25.766.380
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	102.224.965	102.224.965	-
Thuế môn bài	-	12.000.000	12.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường	247.819.435	3.522.133.378	3.483.875.340	286.077.473
Phải thu	-	-	7.989.500	7.989.500
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-	7.989.500	7.989.500

5.14 Phải trả người lao động

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Viên chức quản lý chuyên trách	1.255.085.050	1.219.642.850
Người lao động	9.730.545.645	9.124.374.003
Tiền ăn giữa ca	161.066.000	181.409.500
Cộng	11.146.696.695	10.525.426.353

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	756.150.837	394.505.902
Công Ty Điện Lực Vĩnh Long	206.725.910	158.395.684
Phí cấp quyền khai thác nước mặt	97.427.066	-
Các khoản khác	451.997.861	236.110.218
Cộng	756.150.837	394.505.902

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Phải trả khác

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	18.364.808.426	18.364.808.426	4.198.397.931	4.198.397.931
Kinh phí công đoàn	19.767.900	19.767.900	18.351.984	18.351.984
Thuế thu nhập cá nhân	248.294.124	248.294.124	756.334.039	756.334.039
Phải trả về cổ phần hóa	-	-	6.911.486	6.911.486
Cổ tức phải trả	17.489.164.500	17.489.164.500	2.890.000.000	2.890.000.000
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	557.597.369	557.597.369	495.597.369	495.597.369
Các khoản khác	49.984.533	49.984.533	31.203.053	31.203.053
b) Dài hạn	17.524.118.814	17.524.118.814	2.985.533.000	2.985.533.000
Phòng Tài Chính TP Vĩnh Long	1.487.783.000	1.487.783.000	1.487.783.000	1.487.783.000
Phòng Tài Chính - Kế Hoạch huyện Trà Ôn	1.497.750.000	1.497.750.000	1.497.750.000	1.497.750.000
Nhận tiền giải phóng mặt bằng thi công hồ chứa nước thô Vũng Liêm	14.538.585.814	14.538.585.814	-	-
Cộng	35.888.927.240	35.888.927.240	7.183.930.931	7.183.930.931

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	5.307.480.000	5.307.480.000	4.963.180.000	5.307.480.000	5.651.780.000	5.651.780.000
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam CN Vĩnh Long (*)	5.307.480.000	5.307.480.000	4.963.180.000	5.307.480.000	5.651.780.000	5.651.780.000
b) Vay dài hạn	50.421.316.636	50.421.316.636	-	4.963.180.000	55.384.496.636	55.384.496.636
Ngân hàng Phát triển Việt Nam CN Vĩnh Long (*)	50.421.316.636	50.421.316.636	-	4.963.180.000	55.384.496.636	55.384.496.636
Cộng	55.728.796.636	55.728.796.636	4.963.180.000	10.270.660.000	61.036.276.636	61.036.276.636

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(*) Công ty vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Vinh Long theo một số hợp đồng sau;

- Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐODA-NHPTVN ngày 29/05/2012 để đầu tư hạng mục xây lắp, thiết bị. Thời hạn vay là 180 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 36 tháng kể từ thời điểm giải ngân lần đầu. Lãi suất vay trong hạn là 0,3%/năm, quá hạn là 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 25/2012/HĐTCTS-NHPT ngày 29/05/2012. Kỳ hạn trả nợ gốc đầu tiên là tháng 09 năm 2016. Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2017 là 9.855.353.636 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 02/2012/HĐODA-NHPTVN ngày 29/05/2012 để đầu tư hạng mục xây lắp, thiết bị. Thời hạn vay là 180 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 36 tháng kể từ thời điểm giải ngân lần đầu. Lãi suất vay trong hạn là 0,3%/năm, quá hạn là 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 26/2012/HĐTCTS-NHPT ngày 29/05/2012. Kỳ hạn trả nợ gốc đầu tiên là tháng 09 năm 2016. Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2017 là 45.873.443.000 đồng.

5.18 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*Đơn vị tính: VND*

	Quỹ phát triển KH & CN	Quỹ đã hình thành TSCĐ	Cộng
Tại ngày 31/05/2016	6.583.212.390	4.803.497.543	11.386.709.933
Tăng trong kỳ			
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	-	3.291.962.637	3.291.962.637
Giảm trong kỳ			
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	(3.291.962.637)	-	(3.291.962.637)
Hao mòn tài sản cố định	-	(394.885.179)	(394.885.179)
Tại ngày 01/01/2017	3.291.249.753	7.700.575.001	10.991.824.754
Tăng trong năm			
Trích quỹ trong năm	2.288.957.138	-	2.288.957.138
Đầu tư mua sắm TSCĐ	-	150.499.363	150.499.363
Giảm trong năm			
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	(150.499.363)	-	(150.499.363)
Quỹ đã hình thành TSCĐ điều chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh	-	(7.851.074.364)	(7.851.074.364)
Tại ngày 31/12/2017	5.429.707.528	-	5.429.707.528

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư tại 31/05/2016	289.000.000.000	-	-	-	-	289.000.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	371.365.878	7.427.317.563	-	7.798.683.441
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	7.427.317.563	-	7.427.317.563
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	371.365.878	-	-	371.365.878
Giảm trong kỳ	-	-	-	4.895.375.742	-	4.895.375.742
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	2.890.000.000	-	2.890.000.000
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	1.634.009.864	-	1.634.009.864
Phân phối quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	371.365.878	-	371.365.878
Nộp lợi nhuận về Ngân sách	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	289.000.000.000	-	371.365.878	2.531.941.821	-	291.903.307.699
Số dư tại 01/01/2017	289.000.000.000	-	371.365.878	2.531.941.821	-	291.903.307.699
Tăng trong kỳ	-	-	7.822.747.212	30.837.754.413	-	38.660.501.625
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	30.837.754.413	-	30.837.754.413
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	7.822.747.212	-	-	7.822.747.212
Giảm trong kỳ	-	-	-	32.904.176.081	-	32.904.176.081
Chia cổ tức năm 2017 (*)	-	-	-	17.340.000.000	-	17.340.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	7.741.428.869	-	7.741.428.869
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	7.822.747.212	-	7.822.747.212
Số dư tại 31/12/2017	289.000.000.000	-	8.194.113.090	465.520.153	-	297.659.633.243

(*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn góp của Nhà Nước	213.995.000.000	213.995.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Bằng	14.450.000.000	14.450.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	44.081.810.000	44.081.810.000
Vốn cổ đông khác	16.473.190.000	16.473.190.000
Cộng	289.000.000.000	289.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Vốn góp đầu kỳ	289.000.000.000	289.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	289.000.000.000	289.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.340.000.000	2.890.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.900.000	28.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.900.000	28.900.000
Cổ phiếu phổ thông	28.900.000	28.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.900.000	28.900.000
Cổ phiếu phổ thông	28.900.000	28.900.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.194.113.090	371.365.878
Cộng	8.194.113.090	371.365.878

5.20 Nguồn kinh phí

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Nguồn kinh phí đầu năm	568.637.969	140.192.969
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	428.445.000
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	568.637.969	568.637.969

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.300.868.246	57.087.348.369
Doanh thu cung cấp nước sạch	108.427.815.903	52.468.042.665
Doanh thu xây lắp	3.736.467.264	1.972.887.438
Doanh thu kinh doanh vật tư	215.121.959	136.535.190
Doanh thu nước đóng chai	4.921.463.120	2.509.883.076
b) Giảm trừ doanh thu	1.364.039	3.163.061
Hàng bán bị trả lại	1.364.039	3.163.061
Cộng doanh thu thuần (a-b)	117.299.504.207	57.084.185.308

5.22 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	44.248.884.715	24.524.019.866
Giá vốn xây lắp	3.210.900.819	1.738.489.922
Giá vốn kinh doanh vật tư	192.774.198	125.281.607
Giá vốn nước đóng chai	3.830.554.730	2.034.952.650
Cộng	51.483.114.462	28.422.744.045

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.344.881.822	4.069.034.647
Cổ tức, lợi nhuận được chia	440.000.000	289.536.032
Cộng	7.784.881.822	4.358.570.679

5.24 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	180.053.522	110.215.549
Cộng	180.053.522	110.215.549

5.25 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.129.718.722	1.506.530.461
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	9.645.713.629	7.667.969.471
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.729.610.623	6.872.962.730
Các khoản khác	676.126.722	336.617.659
Cộng	26.181.169.696	16.384.080.321

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.769.204.115	5.805.742.850
Trích quỹ khoa học và công nghệ	2.288.957.138	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	607.154.162	336.824.453
Chi phí dự phòng	833.992.330	80.347.176
Chi phí bằng tiền khác	4.782.420.363	1.783.055.358
Cộng	19.281.728.108	8.005.969.837

5.27 Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	66.583.776
Thu hỗ trợ bồi thường	180.618.686	-
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	391.348.153	197.325.605
Thu nợ khó đòi đã xử lý	600.950	436.250
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản chuyển sang kinh doanh	7.851.074.364	-
Các khoản khác	44.789.808	123.609.225
Cộng	8.468.431.961	387.954.856
Chi phí khác		
Thanh lý tài sản cố định	28.007.917	-
Chi phí thu phí bảo vệ môi trường	332.645.932	167.726.764
Các khoản khác	1.527	303.693
Cộng	360.655.376	168.030.457
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	8.107.776.585	219.924.399

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.28 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.066.096.826	8.739.670.634
2. Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:		
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	234.231.674	85.062.969
3. Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:		
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	440.000.000	289.536.032
4. Thu nhập chịu thuế	35.860.328.500	8.535.197.571
<i>Các khoản lỗ được kết chuyển</i>	-	-
5. Thu nhập tính thuế	35.860.328.500	8.535.197.571
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động xã hội hóa</i>	19.299.437.015	3.866.483.518
<i>Thu nhập tính thuế còn lại</i>	16.560.891.485	4.668.714.053
6. Thuế suất thuế TNDN áp dụng		
<i>Thuế suất từ hoạt động xã hội hóa</i>	10%	10%
<i>Thuế suất hoạt động bình thường</i>	20%	20%
7. Thuế TNDN phải nộp	5.242.121.999	1.320.391.163
<i>Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước</i>	-	-
Thuế TNDN hiện hành	5.242.121.999	1.320.391.163

5.29 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.837.754.413	7.427.317.563
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(7.741.428.869)	(1.634.009.864)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.096.325.544	5.793.307.699
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	28.900.000	28.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	799,18	200,46

5.30 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 31/05/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.073.878.270	20.662.966.002
Chi phí nhân công	30.462.991.433	16.862.027.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.630.407.070	12.300.353.167
Trích quỹ khoa học và công nghệ	2.288.957.138	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	851.177.507	552.420.216
Chi phí khác	6.638.600.848	2.435.027.662
Cộng	96.946.012.266	52.812.794.203

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Thu nhập của người quản lý chuyên trách

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/05/2016 VND
Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát viên và Kế toán trưởng	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	2.667.600.000	1.360.719.600
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký	Thù lao	330.000.000	186.000.000
Trong đó:			
Tiền lương, thù lao của Tổng Giám đốc		558.000.000	325.500.000

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/05/2016 VND
Giao dịch mua				
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long	Bên liên quan	Mua nước sạch	7.447.764.030	4.030.935.300
Cộng			7.447.764.030	4.030.935.300
Giao dịch khác				
Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long	Bên liên quan	Cổ tức được chia	288.000.000	108.000.000
Công ty CP Nước và Môi trường Mang Thít	Bên liên quan	Cổ tức được chia	57.000.000	42.000.000
Công ty CP Nước và Môi trường Bình Tân	Bên liên quan	Cổ tức được chia	350.000.000	300.000.000
Cộng			695.000.000	450.000.000

c. Số dư phải thu và phải thu khác các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long	Phải thu khác	Cổ tức được chia	288.000.000	108.000.000
Công ty CP Nước và Môi trường Mang Thít	Phải thu khác	Cổ tức được chia	36.000.000	21.000.000
Công ty CP Nước và Môi trường Bình Tân	Phải thu khác	Cổ tức được chia	350.000.000	300.000.000
	Phải thu khác	Các khoản khác	-	103.251.761
Cộng			674.000.000	532.251.761

d. Số dư phải trả và phải trả khác các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long	Phải trả người bán	Tiền nước	628.652.430	-
Cộng			628.652.430	-

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.986.618.410	11.162.222.442
Phải thu khách hàng và phải thu khác (không bao gồm khoản tạm ứng)	12.726.273.035	11.487.136.353
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112.734.000.000	93.063.000.000
Cộng	131.446.891.445	115.712.358.795
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	55.728.796.636	61.036.276.636
Phải trả người bán và phải trả khác	40.416.521.652	11.623.150.344
Chi phí phải trả	756.150.837	394.505.902
Cộng	96.901.469.125	73.053.932.882

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	22.892.402.838	17.524.118.814	40.416.521.652
Chi phí phải trả	756.150.837	-	756.150.837
Các khoản vay	5.307.480.000	50.421.316.636	55.728.796.636
Cộng	28.956.033.675	67.945.435.450	96.901.469.125
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	8.637.617.344	2.985.533.000	11.623.150.344
Chi phí phải trả	394.505.902	-	394.505.902
Các khoản vay	5.651.780.000	55.384.496.636	61.036.276.636
Cộng	14.683.903.246	58.370.029.636	73.053.932.882

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.986.618.410	-	5.986.618.410
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.726.273.035	-	12.726.273.035
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112.734.000.000	-	112.734.000.000
Cộng	131.446.891.445	-	131.446.891.445
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.162.222.442	-	11.162.222.442
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.487.136.353	-	11.487.136.353
Đầu tư tài chính ngắn hạn	93.063.000.000	-	93.063.000.000
Cộng	115.712.358.795	-	115.712.358.795

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 31/05/2016 đến 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Văn Thắng

Bùi Thiện Ngọc Minh

Nguyễn Tấn Phát

Số: /TT-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 10 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

DỰ THẢO

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018 như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 còn lại chưa phân phối: 2.531.941.821 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017: 30.837.754.413 đồng;

Trong đó:

+ Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 24.556.894.922 đồng

+ Lợi nhuận từ việc hoàn nhập giá trị còn lại của TSCĐ được đầu tư bằng quỹ phát triển khoa học và công nghệ là 6.280.859.491 đồng.

2. Trích quỹ đầu tư phát triển:

- Trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017:

$$30.837.754.413 \text{ đồng} \times 5\% = \mathbf{1.541.887.721 \text{ đồng}}$$

- Bổ sung Quỹ đầu tư phát triển khoản lợi nhuận từ việc hoàn nhập giá trị còn lại của TSCĐ được đầu tư bằng quỹ phát triển khoa học và công nghệ: **6.280.859.491 đồng**

3. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động

- Kế hoạch năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua mức trích 25% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không quá 03 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

- Thực hiện năm 2017: Trích 24,0224% lợi nhuận sau thuế năm 2017, tương đương 03 tháng tiền lương thực hiện của người lao động được xác định theo Điều 18, Thông tư số 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước là **7.407.978.869 đồng**.
- Căn cứ quỹ khen thưởng, phúc lợi được phép trích lập, công ty quyết định phân bổ 50% thành quỹ khen thưởng và 50% quỹ phúc lợi cho người lao động.

4. Trích quỹ thưởng người quản lý công ty chuyên trách

- Kế hoạch năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua mức trích 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty.
- Thực hiện năm 2017: Trích 1,0813% lợi nhuận sau thuế năm 2017, tương đương 1,5 tháng tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách được xác định theo Điều 18, Thông tư số 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước là **333.450.000 đồng**.

5. Trả cổ tức

- Kế hoạch năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua tối thiểu 5%/ Vốn điều lệ.
- Thực hiện trả cổ tức năm 2017 là 6%/Vốn điều lệ : **17.340.000.000 đồng**
- Nguồn chi trả cổ tức năm 2017 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 và lợi nhuận sau thuế năm 2017, cụ thể như sau:
 - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 còn lại chưa phân phối: 2.531.941.821 đồng
 - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017: 14.808.058.179 đồng

6. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2017:

$$30.837.754.413 - (7.822.747.212 + 7.407.978.869 + 333.450.000 + 14.808.058.179) = \mathbf{465.520.153 \text{ đồng}}$$

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐẶNG TẤN CHIẾN

SỐ: /TT-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 10 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần cấp nước Vĩnh Long

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 25/05/2016.

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Kế hoạch năm 2018
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ (m ³)		15.200.000
2	Tổng doanh thu		133.900.000.000
3	Tổng chi phí		105.135.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN		28.765.000.000
5	Thuế TNDN		3.490.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.275.000.000
7	Nộp ngân sách nhà nước		10.381.000.000
8	Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN		
8.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	5%	1.263.750.000
8.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	25%	6.318.750.000
8.3	Trích quỹ thưởng người quản lý	1,50%	379.125.000
8.4	Trả cổ tức tối thiểu 5%/vốn điều lệ	5%	14.450.000.000
8.5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		
	- Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối chuyển sang		465.520.153
	- Lợi nhuận năm nay còn lại sau khi trích quỹ		2.863.375.000
9	Đầu tư xây dựng cơ bản		117.440.000.000
10	Vốn điều lệ		289.000.000.000
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ		8,75%

Đối với Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng đối với người quản lý Công ty chuyên trách trích tối đa theo tỷ lệ % trên, nhưng tổng số tiền trích quỹ không vượt quá quy định tại Điều 18, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2017 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Cổ đông công ty;*
- *Lưu.*

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐẶNG TẤN CHIẾN

Số: /TT-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 10 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị sau làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty:

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Địa chỉ: Tầng 8 Cao ốc Văn Phòng VG Building số 235 Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Tel: +84-(04)-37832121; Fax: +84-(04)- 37832122

(Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Số 201-203 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP Hồ Chí Minh)

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, P02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel : +84 (8) 35472972; Fax: +84 (8) 35472970

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Địa chỉ đăng ký: số 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Tel: +84 (8) 3859 2285; Fax: +84 (8) 3859 2289

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Cổ đông công ty
- Thành viên HĐQT, BKS
- Ban Tổng giám đốc
- Lưu

ĐẶNG TẤN CHIẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VĨNH LONG**
Số: /TTr-CNVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Vĩnh Long, ngày 10 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách và Thư ký năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Thư ký năm 2018 như sau:

- | | |
|----------------------------------|-----------------------|
| 1. Thành viên Hội đồng quản trị: | 4.500.000 đồng/tháng. |
| 2. Thành viên Ban kiểm soát: | 3.000.000 đồng/tháng. |
| 3. Thư ký: | 3.500.000 đồng/tháng. |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

ĐẶNG TẤN CHIẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Số: /TTr-CNVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Vĩnh Long, ngày 10 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về quản trị áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Căn cứ Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long đã rà soát Điều lệ hiện hành của công ty với Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Nghị định số 71/2017/ NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ với các điều khoản như kèm theo.

Trân trọng.

Tài liệu kèm theo: Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu.

ĐẶNG TẤN CHIẾN

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

(Bản sửa đổi, bổ sung lần 1 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

ĐỊA CHỈ: 02-HUNG ĐẠO VƯƠNG-PHƯỜNG 1-TP VĨNH LONG
ĐIỆN THOẠI: 0270.3822583—0270.3827777
FAX: 0270.3829432
EMAIL: CAPNUOCVL@GMAIL.COM
WEBSITE: CAPNUOCVL.COM.VN

Tháng 04 năm 2018

MUC LỤC

	Trang
CÁC TỪ VIẾT TẮT	1
PHẦN MỞ ĐẦU	2
CHƯƠNG I	3
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
<i>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</i>	3
CHƯƠNG II	4
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
<i>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</i>	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III	6
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
<i>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</i>	6
<i>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</i>	7
CHƯƠNG IV	7
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ	7
Điều 7. Cổ đông sáng lập Công ty	8
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông	8
Điều 9. Cổ phiếu	8
Điều 10. Chào bán cổ phần	9
Điều 11. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	10
Điều 12. Bán cổ phần	10
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 14. Phát hành trái phiếu	11
Điều 15. Mua cổ phần, trái phiếu	12
Điều 16. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	12

Điều 17. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	12
Điều 18. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	12
Điều 19. Trả cổ tức	13
CHƯƠNG V	14
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	14
CHƯƠNG VI	14
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 21. Quyền của cổ đông phổ thông	14
Điều 22. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	16
<i>Điều 23. Đại hội đồng cổ đông</i>	16
<i>Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</i>	18
Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 26. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 27. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 28. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 29. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 30. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 32. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	23
Điều 33. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 36. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
CHƯƠNG VII	27
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 37. Hội đồng quản trị	27
Điều 38. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	29

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 40. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 41. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 42. Cuộc họp Hội đồng quản trị	32
Điều 43. Biên bản họp Hội đồng quản trị	34
Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	35
<i>Điều 46. Người phụ trách quản trị công ty</i>	35
CHƯƠNG VIII	36
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ <i>NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</i>	36
<i>Điều 47. Tổ chức bộ máy quản lý</i>	36
Điều 48. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	36
<i>Điều 49. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác</i>	39
CHƯƠNG IX	39
BAN KIỂM SOÁT	39
Điều 50. Ban kiểm soát	40
Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát	40
Điều 52. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	40
Điều 53. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	41
Điều 54. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	42
Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	42
Điều 56. Tiền lương và quyền lợi khác của Ban kiểm soát	43
CHƯƠNG X	43
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ <i>NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</i>	43
<i>Điều 57. Trách nhiệm cân trọng</i>	43
<i>Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</i>	44
<i>Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</i>	45

Điều 60. Công khai các lợi ích liên quan	45
Điều 61. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	46
CHƯƠNG XI	47
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	47
<i>Điều 62. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</i>	47
CHƯƠNG XII	47
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI	47
Điều 63. Quyền của người lao động trong Công ty	47
Điều 64. Nghĩa vụ của người lao động	48
Điều 65. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty	49
CHƯƠNG XIII	49
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	49
Điều 66. Phân phối lợi nhuận	49
CHƯƠNG XIV	50
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	50
Điều 67. Tài khoản ngân hàng	50
Điều 68. Năm tài chính	50
Điều 69. Chế độ kế toán	50
CHƯƠNG XV	50
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	50
Điều 70. Chế độ báo cáo hàng năm	50
Điều 71. Chế độ báo cáo tài chính	51
<i>Điều 72. Báo cáo thường niên</i>	51
Điều 73. Kiểm toán	51
CHƯƠNG XVI	52
CON DẤU	52
Điều 74. Con dấu	52
CHƯƠNG XVII	52

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	52
Điều 75. Kế thừa	52
Điều 76. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp	52
Điều 77. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp	53
Điều 78. Thanh lý tài sản khi giải thể doanh nghiệp	54
CHƯƠNG XVIII	54
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	54
Điều 79. Giải quyết tranh chấp nội bộ	54
CHƯƠNG XIX	55
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	55
Điều 80. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	55
CHƯƠNG XX	55
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	55
Điều 81. Tiếp nhận và công bố thông tin	55
CHƯƠNG XXI	56
NGÀY HIỆU LỰC	56
Điều 82. Ngày hiệu lực	56

CÁC TỪ VIẾT TẮT

- VWACO: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này được thông qua lần đầu tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long ngày 25 tháng 05 năm 2016; sửa đổi, bổ sung lần 1 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thông qua ngày tháng năm 2018.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Việt Nam” là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - b) “Công ty” là Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
 - c) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - e) “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - f) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - g) “Người quản lý công ty” là bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn: Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
 - h) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - i) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - j) “Công ty con” là các Công ty do VWACO góp vốn với trên 50% vốn điều lệ;
 - k) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của VWACO;
 - l) “Cổ đông chiến lược” là các cổ đông đã ký Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược với VWACO;
 - m) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty;
 - n) “Cổ phần có quyền biểu quyết” là cổ phần mà người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG.**
- Tên tiếng Anh: **VINH LONG WATER SUPPLY JOINTSTOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **VWACO**

2. VWACO là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Trụ sở chính: Số 02, Hưng Đạo Vương, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

4. Điện thoại: (0270) 3822583 - (0270) 3827777 - Fax: (0270) 3829432

Email: capnuocvl@gmail.com

- Website: capnuocvl.com.vn

5. Logo của công ty VWACO:



6. Xí nghiệp, Chi nhánh, nhà máy

6.1. Tên Xí nghiệp: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Xí nghiệp Xây lắp.

- Địa chỉ: Số 02, Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại:

6.2. Tên Xí nghiệp: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Xí nghiệp sản xuất nước uống đóng chai Việt Úc

- Địa chỉ: Số 54, Đường Nguyễn Huệ, Phường 2, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại: 0270.3816081

6.3. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Chi nhánh cấp nước Trà Ôn.

- Địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi, Xã Thiện Mỹ, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 02703.776288

6.4. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Chi nhánh cấp nước Tam Bình.

- Địa chỉ: Số 390/8, Khóm 4, Thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3713356

6.5. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Chi nhánh cấp nước Cái Ngang.

- Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 8 Xã Mỹ Lộc, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3717673

6.6. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Chi nhánh cấp nước Vũng Liêm.

- Địa chỉ: Ấp Trung Tín, Thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3970493

6.7. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Chi nhánh cấp nước Long Hồ.

- Địa chỉ: Khóm 5, Thị trấn Long Hồ, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3850598

6.8. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Nhà máy nước Hưng Đạo Vương.

- Địa chỉ: Số 02 Đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3822583

6.9. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Nhà máy nước Trường An.

- Địa chỉ: Số 519, Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3910254

7. Công ty có thể thành lập đơn vị trực thuộc tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 76 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền điều hành cao nhất trong Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật trong việc thực hiện các dự

án đầu tư theo phân cấp của Hội đồng Quản trị, điều hành hoạt động, quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn và các khoản thu chi của Công ty. Đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Sau khi đã ủy quyền, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc cho đến khi HĐQT, quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì HĐQT cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch	3600 (chính)
02	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai	1104
03	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai	4633
04	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng.	4290
05	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án cấp nước.	4220

STT	Tên ngành	Mã ngành
06	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh các dự án cấp nước.	6810
07	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai.	4723
08	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng, thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng.	7110

Khi cần thiết ĐHĐCĐ Công ty quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các cổ đông.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty huy động và sử dụng hiệu quả tiền vốn và các nguồn lực khác nhằm mang lại lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước và hoạt động ổn định, phát triển bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và tại Khoản 1 Điều 4 Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty: **289.000.000.000 VND** (Hai trăm tám mươi chín tỷ đồng).

2. Tổng số cổ phần: Vốn điều lệ của Công ty được chia thành **28.900.000** cổ phần với mệnh giá là mười ngàn Việt Nam đồng (10.000 VND/cổ phần).

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của ĐHĐCĐ, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b) Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Điều lệ này;

c) Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 112 của Luật Doanh nghiệp;

d) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác để bổ sung vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Cổ đông sáng lập Công ty

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long nên không có cổ đông sáng lập.

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên công ty, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, tổng số cổ phần, loại cổ phần, số lượng cổ phần;

b) Tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

c) Số lượng cổ phần của từng loại cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 9. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ

phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người nắm giữ, tên mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức và các thông tin bắt buộc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, cổ đông sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại theo đề nghị của cổ đông đó, cổ đông phải thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc cấp lại giấy chứng nhận cổ phiếu. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a) Nêu rõ lý do bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được thì phải đem trả cho Công ty để tiêu hủy;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.

5. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Việt Nam đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp giấy chứng nhận cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp giấy chứng nhận cổ phiếu mới.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy toàn bộ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức: Chào bán cho các cổ đông hiện hữu; Chào bán ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Công ty cổ phần niêm yết và đại chúng được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 11. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

1. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

2. Số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên đăng ký mua hết thì HĐQT có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHCĐ có quy định khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

Điều 12. Bán cổ phần

HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.

2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty.

3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể do HĐQT quyết định.

4. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều 125 Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ một số trường hợp hạn chế thời gian chuyển nhượng sau đây:

a) Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty không được chuyển nhượng số cổ phần mua thêm trong thời hạn cam kết tối thiểu 03 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

b) Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn thì phải được ĐHĐCĐ chấp thuận.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán, quyền biểu quyết và các quyền khác phát sinh có liên quan tới cổ phần đó.

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.

5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này.

Điều 14. Phát hành trái phiếu

1. Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. HĐQT có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của HĐQT về phát hành trái phiếu.

5. Trường hợp Công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 15. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Công ty được mua bằng tiền Việt Nam và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 16. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 17. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định.

2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 18. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số

cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Điều lệ này, được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 19. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt (đồng Việt Nam) hoặc bằng cổ phần của Công ty.

3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc hợp ĐHCĐ thường niên. HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 122, Điều 123 và Điều 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

f) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử người vào HĐQT và BKS;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;

c) Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ khi HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 06 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Việc đề cử người vào HĐQT và BKS quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

5. Ngoài các quyền nêu trên, cổ đông chiến lược còn có thêm các quyền hạn như quy định tại Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược được ký kết giữa Công ty và Cổ đông chiến lược.

Điều 22. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Chấp hành nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên hệ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Cổ đông chiến lược còn có thêm các trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông chiến lược như quy định tại Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược được ký kết giữa Công ty và cổ đông chiến lược.

Điều 23. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, lựa chọn địa điểm phù hợp ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và kế hoạch cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường và lựa chọn địa điểm phù hợp ở trên lãnh thổ Việt Nam trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 21 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;

- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- f) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; Kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần.
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- l) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- n) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

f) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành;

g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

4. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường

thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông được thực hiện theo quy định của cơ quan lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

Điều 26. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 21 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 27. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương khi xét thấy cần thiết.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b) Phiếu biểu quyết;
 - c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
4. Tài liệu họp theo Khoản 3 Điều này được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp này thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 28. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 29. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết (hay còn gọi là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ. Việc đăng ký cổ đông dự họp phải được thực hiện cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp

không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số thẻ biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

b) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 32. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua và được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 25 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi

fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu và được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

g) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

h) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản ĐHĐCĐ phải gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; biên bản kiểm phiếu sẽ được đăng tải lên Website của Công ty.

Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 21 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 36 của Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của tòa án, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 36. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết tán thành là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37. Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này; mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

e) Quyết định mua hoặc bán cổ phần hoặc phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập tại Việt Nam hoặc nước ngoài;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, ngoại trừ các quyết định thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

j) Các nội dung phải được HĐQT phê chuẩn:

- Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty.

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; thành lập công ty con; góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

- Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

- Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh mà giá trị đầu tư vượt quá 10% kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt.

- Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với người quản lý khác (gồm: Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng; Trưởng phó các phòng ban; Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh, xí nghiệp; Trưởng phó các văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc, ...) trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc; quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc và những người quản lý khác; cử người đại diện theo ủy quyền, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác khi tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức; ban hành và giám sát định mức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n). Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó;

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;

p) Trình báo cáo quyết toán tài chính, phương án phân phối lợi nhuận hằng năm lên ĐHĐCĐ;

q) Kiến nghị mức, thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản Công ty;

r) Đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quyết định của HĐQT;

s) Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ thì báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được ĐHĐCĐ thông qua.

4. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này.

5. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 60 của Điều lệ này.

6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và vi phạm Điều lệ của Công ty.

7. HĐQT thông qua các quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; mỗi thành viên HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết; thành viên HĐQT được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu trên 50% các thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận;

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và quyết định của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hiện hành hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 38. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đủ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

Điều 40. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên HĐQT được trả theo quy định sau:
 - a) Thành viên HĐQT chuyên trách được trả tiền lương theo quy chế lương hiện hành của Công ty và không hưởng thù lao;
 - b) Thành viên HĐQT không chuyên trách được hưởng thù lao. Tổng mức thù lao cho HĐQT do HĐQT xây dựng và được ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - c) Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - d) Tiền thưởng của thành viên HĐQT được áp dụng theo quy chế thưởng hiện hành của Công ty.
3. Thù lao, tiền lương của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 41. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Công ty, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo đúng pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
3. Bảo toàn và phát triển vốn, tổ chức thực hiện phương án kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt và thông qua ĐHĐCĐ.
4. Có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty ký các báo cáo, các chứng từ, văn bản hợp đồng, ... của Công ty theo thẩm quyền được phân công.
5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của HĐQT.
6. Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
7. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; phân công các thành viên HĐQT kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty;

b) Triệu tập và làm chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

đ) Chỉ đạo lập báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;

e) Phê duyệt các dự án đầu tư; phương án sử dụng lao động; quỹ tiền lương, thưởng của Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc và đã được HĐQT thông qua;

f) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương và lợi ích khác đã được HĐQT thống nhất thông qua đối với Tổng Giám đốc, người đại diện vốn của Công ty và những người quản lý khác (gồm: Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng; Trưởng phó các phòng ban; Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh; Trưởng phó các văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc, ...) theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

g) Có trách nhiệm thay mặt HĐQT ký các văn bản, quyết định, quy định, qui chế quản trị nội bộ, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của HĐQT và đã được HĐQT thông qua theo đúng quy định;

h) Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một trong các thành viên HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty; Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt mà không có ủy quyền khác thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

8. Chủ tịch HĐQT có quyền chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký HĐQT với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể bãi nhiệm thư ký khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; tham dự các cuộc họp theo yêu cầu của HĐQT và ghi chép các biên bản cuộc họp;

b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS;

f) Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

g) Thù lao của Thư ký HĐQT do HĐQT xây dựng và được ĐHCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì.

Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- b) Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
- c) Ban kiểm soát.

Các đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

5. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự thống nhất của HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, Fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến BKS như đối với các thành viên HĐQT.

BKS có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Những người được mời dự thính: Ban Thư ký HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, những người quản lý khác (nếu không phải là thành viên HĐQT) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo thư mời của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên HĐQT.

9. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

10. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Bất kỳ thành viên HĐQT nào hưởng lợi từ loại hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 61 của Điều lệ này sẽ không có quyền biểu quyết.

11. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của trên 50% thành viên HĐQT có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

12. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

13. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. theo quy định tại Khoản 12 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

14. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe các thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 43. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Thành viên là cổ đông được ủy quyền của tổ chức nhưng không được tổ chức đó ủy quyền nữa hoặc đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật;

e) Thành viên là cổ đông cá nhân sở hữu ít hơn 10% vốn điều lệ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT bị giảm để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 46. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
 - b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
 - h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 47. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 48. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc; trường hợp thuê Tổng Giám đốc thì HĐQT ký hợp đồng thuê, trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác.

Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động của Công ty; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và thi hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT theo nghĩa vụ và quyền hạn được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm, không được ủy quyền lại cho người khác.

4. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh của Công ty;

c) Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

d) Tuổi đời không được quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật.

5. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và các vấn đề không thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHĐCĐ và HĐQT;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết của HĐQT nếu các nghị quyết này trái với pháp luật, trái với Điều lệ của Công ty và trái với các quyết định của ĐHĐCĐ. Việc từ chối này phải gửi cho HĐQT bằng văn bản và phải nêu rõ lý do;

c) Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình được quy định trong Quy chế quản trị Công ty mà vấn đề đó không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm: việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại còn lại, trừ các hợp đồng được quy định phải thông qua ĐHĐCĐ hoặc HĐQT. Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

d) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua;

đ) Xây dựng và trình HĐQT phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức, các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, đơn giá tiền lương, thưởng và các quy chế quản trị nội bộ. Kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá, các quy định trong nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

f) Đề xuất HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, phê duyệt mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với các chức danh quản lý và người đại diện vốn của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT;

g) Xây dựng và trình HĐQT bổ nhiệm, phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động ngắn, trung, dài hạn; tổ chức tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Thay mặt HĐQT quản lý toàn bộ tài sản của Công ty;

j) Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án liên quan đến quyền lợi và để bảo đảm các quyền lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

k) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của HĐQT như sau:

- Trình HĐQT Kế hoạch đầu tư và các dự án hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước.

- Thực hiện phân công và ủy nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.

- Thực hiện chế độ báo cáo cho HĐQT và BKS. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự mà HĐQT và BKS yêu cầu.

- Chậm nhất đến ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch tài chính của Công ty.

- Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

- Đề nghị HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Tổng Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.

- Được đưa ra những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố, ... và phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT để giải quyết tiếp.

- Khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn thì Tổng Giám đốc không được tăng lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ.

- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT và quy định của pháp luật.

- Trường hợp điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty hai (02) lần trở lên hoặc một (01) lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty;
- b) Để Công ty thua lỗ hoặc không đạt chỉ tiêu cổ tức tối thiểu theo mức do ĐHĐCĐ quyết định. Trừ các trường hợp do nhà nước thay đổi chính sách có liên quan, thực hiện đầu tư các dự án lớn, giá bán nước sạch chưa được điều chỉnh kịp thời và các trường hợp khác mà không có báo cáo, giải trình và được ĐHĐCĐ chấp thuận;
- c) Không tổ chức xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm để trình HĐQT ban hành, làm cơ sở để quản trị, điều hành Công ty;
- d) Không thực hiện các nhiệm vụ trong hợp đồng lao động đã ký với HĐQT. Vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm, tham nhũng tài sản Công ty hoặc thiếu trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng cho Công ty;
- đ) Khi tuổi đời đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật;
- e) Ngoại trừ trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 6 Điều này, quyết định miễn nhiệm Tổng Giám đốc thông qua khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và HĐQT phải đưa ra lý do miễn nhiệm. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, HĐQT phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày công bố, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Điều 49. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau:
 - a) Tổng Giám đốc được trả lương. Tiền lương của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định theo quy chế lương hiện hành của Công ty;
 - b) Tiền thưởng của Tổng Giám đốc được áp dụng theo quy chế thưởng hiện hành của Công ty.
3. Thù lao, tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
4. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Chương IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 50. Ban kiểm soát

1. BKS là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

2. BKS có ba (03) thành viên thường trú ở Việt Nam do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm theo hình thức bỏ phiếu kín. Nhiệm kỳ của BKS là năm (05) năm, nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá năm (05) năm. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên BKS bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng BKS. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

3. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

4. Trường hợp thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

d) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán hoặc kiểm toán.

2. Trường hợp Công ty có niêm yết giao dịch trên sàn chứng khoán; nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 52. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh; báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng, quý của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo Khoản 3 Điều 21 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo Khoản 3 Điều 21 của Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 57, Điều 58 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản tới HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

12. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 53. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được gửi đến cho BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên HĐQT.

3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

4. Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

5. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

Điều 54. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan.

5. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.

6. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc yêu cầu kiểm toán nội bộ hỗ trợ hoặc sử dụng tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết.

7. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

8. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của người quản lý Công ty.

9. Trường hợp vi phạm các quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS đó có được phải hoàn trả cho Công ty.

10. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Thành viên BKS có thể bị miễn nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ nếu vi phạm các quy định về trách nhiệm của thành viên BKS tại Điều 54 của Điều lệ này;

đ) Trường hợp BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.

2. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên BKS quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c) Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 56. Tiền lương và quyền lợi khác của Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định sau:

a) Thành viên BKS chuyên trách được trả lương theo quy chế lương hiện hành của Công ty và không hưởng thù lao;

b) Thành viên BKS không chuyên trách được hưởng thù lao. Tổng mức thù lao của các thành viên BKS không chuyên trách và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS do BKS xây dựng và được ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;

c) Tiền thưởng của BKS được áp dụng theo quy chế thưởng hiện hành của Công ty.

2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý trong ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 57. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 60. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thông báo cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên và lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 61. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát

sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Chương XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 62. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều 38 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 63. Quyền của người lao động trong Công ty

1. Được hưởng các quyền lợi theo quy định của bộ Luật Lao động và các quy định pháp luật hiện hành khác.

2. Người lao động có quyền giám sát Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

- a) Hội nghị người lao động của Công ty;
- b) Tổ chức Công đoàn của Công ty;
- c) Thông qua việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

3. Người lao động thông qua người Đại diện (tổ chức Công đoàn) có quyền tham gia thảo luận góp ý kiến trước khi Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc ra quyết định các vấn đề sau:

a) Phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch, các giải pháp sắp xếp, tổ chức lại để phát triển sản xuất kinh doanh; sắp xếp và bố trí lại lao động trong Công ty;

b) Phương án phân phối lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phương án phân phối tiền lương, tiền thưởng, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;

c) Các nội quy, quy chế của doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

d) Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty.

đ) Nâng lương, nâng ngạch, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức và người lao động trong Công ty;

e) Giải quyết đơn, thư khiếu nại của người lao động trong Công ty.

4. Ngoài ra người lao động trong Công ty còn có quyền:

a) Ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Thông qua nội dung Thỏa ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể để Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn ký kết với Tổng Giám đốc Công ty;

c) Thông qua Nghị quyết Hội nghị người lao động;

d) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

5. Công ty đảm bảo các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty xây dựng hệ thống thang, bảng lương và đăng ký với cơ quan quản lý về lao động của nhà nước làm cơ sở trả lương, trả công cho người lao động; hoặc xây dựng cơ chế trả lương phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp của công việc và gắn với kết quả hoàn thành công việc.

Điều 64. Nghĩa vụ của người lao động

1. Người lao động có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung hợp đồng lao động đã ký với Công ty; Thỏa ước lao động tập thể, chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của Công ty.

2. Người lao động phải học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao.

3. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 65. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Công ty hoạt động theo Cương lĩnh, Điều lệ và các Quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty gồm: Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Khuyến học hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và theo Điều lệ của từng tổ chức.
3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia vào các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và hoạt động theo những quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng đề HDQT thông qua Quy chế phối hợp giữa HDQT với các tổ chức chính trị và chính trị xã hội tại Công ty theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất theo quy định pháp luật hiện hành.
5. Đảng ủy Công ty lãnh đạo doanh nghiệp thông qua đảng viên trong HDQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, đảng viên và quần chúng lao động.

Chương XIII
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 66. Phân phối lợi nhuận

1. HDQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trình ĐHĐCĐ quyết định.
2. Trả cổ tức cho các cổ đông, trình tự thủ tục chi trả cổ tức theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ này.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông được quyền nhận cổ tức, cổ phiếu hoặc người sở hữu trái phiếu do Công ty phát hành được quyền nhận lãi suất.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 67. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản ngân hàng tại các ngân hàng Việt Nam hoặc các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Công ty thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 68. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 (dương lịch) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 (dương lịch) cùng năm.

Điều 69. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, phương pháp lập và lưu giữ sổ sách kế toán theo quy định của Luật kế toán Việt Nam.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 70. Chế độ báo cáo hàng năm

Các chế độ báo cáo hàng năm của HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác được thực hiện như sau:

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.
3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.
4. Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị; báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.

Điều 71. Chế độ báo cáo tài chính

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được gửi đến HĐQT, BKS để xem xét chuẩn bị họp ĐHĐCĐ. Sau khi ĐHĐCĐ thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được gửi cho cơ quan thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 72. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 73. Kiểm toán

1. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo kiểm toán.
 3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các

cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XVI

CON DẤU

Điều 74. Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu tuân thủ theo “Quy chế quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu” của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 75. Kế thừa

Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, ... được bàn giao từ Công ty TNHH một thành viên cấp nước Vĩnh Long.

Điều 76. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo quyết định của của ĐHĐCĐ;
 - c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 77. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp

Việc giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp quy định tại các Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

2. HĐQT trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp hoặc thành lập Ban thanh lý tài sản riêng.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của doanh nghiệp. Kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ (nếu có).

5. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế;

c) Các khoản nợ khác.

6. Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại chia cho cổ đông công ty theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

7. Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi đề nghị giải thể cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.

Điều 78. Thanh lý tài sản khi giải thể doanh nghiệp

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên: hai (02) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Trình tự, thủ tục và tiền thu được từ việc thanh lý tài sản giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo Khoản 5 và Khoản 6 Điều 77 của Điều lệ này.

Chương XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 79. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Mọi tranh chấp nội bộ trong Công ty được giải quyết trên nguyên tắc thương lượng hoặc hoà giải giữa các bên tranh chấp. Cụ thể:

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các Luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay người quản lý cấp cao.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu mươi (60) ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XIX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 80. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải xuất phát từ lợi ích của Công ty và sự phù hợp về luật pháp hiện hành.

2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất sửa đổi Điều lệ và HĐQT phải tổng hợp những đề xuất sửa đổi mang lại hiệu quả, phương thức quản lý tiến bộ hoặc các lợi ích khác làm Công ty phát triển bền vững để trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XX

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 81. Tiếp nhận và công bố thông tin

1. HĐQT, BKS phải thiết lập kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty. Tại văn phòng Công ty phải có hộp thư của HĐQT và hộp thư của BKS để tiếp nhận thông tin của cổ đông bất kỳ thời điểm nào các cổ đông cho là cần thiết phải có ý kiến với HĐQT, BKS.

2. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Công bố định kỳ trên Website của Công ty các thông tin sau đây:

- a) Điều lệ Công ty;
- b) Kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- d) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm;
- đ) Báo cáo thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Công bố thông tin bất thường được thực hiện theo Điều 109 của Luật Doanh nghiệp.

Chương XXI
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 82. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 82 Điều, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thông qua ngày tháng năm 2018 và thay thế cho Bản điều lệ đã được ĐHĐCĐ thành lập Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thông qua ngày 25/05/2016.

2. Điều lệ có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thông qua.

3. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương (nếu có yêu cầu của cơ quan Nhà nước);

b) Một (01) bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh;

c) Tám (08) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 1 này là duy nhất và chính thức của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (VWACO).

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc Người đại diện theo pháp luật.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Số: /TTr-CNVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Vĩnh Long, ngày 10 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về quản trị áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Căn cứ Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ.

Trên cơ sở Quy chế mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về quản trị áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Trân trọng.

Tài liệu kèm theo: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu.

ĐẶNG TẤN CHIẾN

MUC LUC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	2
Chương II.....	3
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	3
Điều 4. Nghĩa vụ của cổ đông lớn.....	3
Điều 5. Điều lệ Công ty	3
Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	3
Chương III	4
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 7. Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 9. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
Điều 10. Chủ tịch Hội đồng quản trị	7
Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	7
Điều 12. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	7
Điều 13. Tổng Giám đốc	7
Điều 14. Người phụ trách quản trị.....	8
Chương IV	8
BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 15. Ban kiểm soát	8
Điều 16. Thành viên Ban kiểm soát	8
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	8
Điều 18. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	9
Chương V	9
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	9
Điều 19. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Công ty	9
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	10
Điều 21. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty ..	11
Điều 22. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	12
Điều 23. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập.....	12

Chương VI.....	12
BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	12
Điều 24. Nghĩa vụ công bố thông tin	12
Điều 25. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty.....	13
Điều 26. Công bố thông tin về quản trị Công ty	13
Điều 27. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc.....	13
Điều 28. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD.	13
Điều 29. Tổ chức công bố thông tin	13
Chương VII.....	14
GIÁM SÁT.....	14
Điều 30. Con dấu & chữ ký số	14
Điều 31. Giám sát	14
Điều 32. Xử lý vi phạm về quản trị Công ty	14
Chương VIII	14
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	14
Điều 33. Bổ sung và sửa đổi Quy chế	14
Điều 34. Hiệu lực thi hành.....	15

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-CN ngày/...../20...
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị nội bộ công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị nội bộ Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long, quy định các vấn đề liên quan đến quản trị nội bộ Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long, bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Tổng giám đốc; Phó tổng giám đốc; Kế toán trưởng
- d) Giao dịch với người có liên quan;
- đ) Báo cáo và công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long: là công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;

b) Cổ đông của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người quản lý Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;

d) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị của Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty;

b) “Công ty” được hiểu là Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

c) “Điều lệ” là Điều lệ của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm.

d) “Đại hội đồng cổ đông hoặc ĐHĐCĐ” gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan cao nhất của Công ty.

đ) “Hội đồng quản trị hoặc HĐQT” là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

e) “Ban Kiểm soát hoặc BKS” là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

g) “Tổng Giám đốc hoặc TGD” là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động của Công ty...

h) “Người quản lý công ty” là bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, BKS và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn: Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định của Điều lệ công ty.

k) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

i) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.

l) Thư ký Công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 114, Điều 115 của Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 21, Điều 22 của Điều lệ công ty, ngoài ra cổ đông Công ty có các quyền sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, quyết định của HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 4. Nghĩa vụ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều lệ Công ty

1. Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ thông qua và không được trái với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 80 – Điều lệ Công ty.

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các quy định sau:

1. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc mời họp ĐHĐCĐ, thủ tục và tài liệu họp được thực hiện theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29 và Điều 30 - Điều lệ Công ty;

2. HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 26 - Điều lệ Công ty;

3. Hàng năm, Công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm.

3. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều 37 Điều lệ Công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
- d) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- đ) Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

3. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ Công ty.

5. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:

Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều 38 Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các quy định sau:

a) Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên HĐQT (nếu có).

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử ứng viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều 38 Điều lệ Công ty.

c) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 4 Điều 114 Luật doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty và Quy chế này. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

6. Thành viên HĐQT của Công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

7. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;

d) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

8. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

9. Thành viên HĐQT có quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

10. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều 45 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Hoạt động của doanh nghiệp được thông qua người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật sẽ nhân danh và vì lợi ích của Công ty xác lập, thực hiện các giao dịch thể hiện mối quan hệ với các chủ thể trong doanh nghiệp (như với các thành viên, cổ đông góp vốn) hoặc với các chủ thể khác bên ngoài Công ty (đối tác, khách hàng, cơ quan quản lý nhà nước...), đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm được quy định theo Luật doanh nghiệp và được quy định tại Điều 3 Điều lệ Công ty, ngoài ra Người đại diện theo pháp luật của Công ty còn có các trách nhiệm như sau:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 10. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch;
2. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 3 Điều lệ Công ty và Điều 9 Quy chế này; Chủ tịch HĐQT là chủ tài khoản của Công ty;
3. Chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 41 và Điều 44 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty và Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều 43 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHCĐ thường niên theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
4. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
5. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 13. Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm TGD theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 48 Điều lệ Công ty;
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của TGD được quy định tại Khoản 4, Điều 48 Điều lệ Công ty;
3. TGD có những quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại Khoản 5, Điều 48 Điều lệ Công ty;
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc được thực hiện theo pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 49 Điều lệ Công ty;
6. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm TGD thực hiện theo pháp luật hiện hành và quy định tại Khoản 6, Điều 48 Điều lệ Công ty.

Điều 14. Người phụ trách quản trị

1. HĐQT của Công ty bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị và kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 46 Điều lệ Công ty.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Ban kiểm soát

1. BKS là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

2. Việc ứng cử, đề cử BKS được thực hiện theo quy định tại Điều 51 Điều lệ Công ty.

Điều 16. Thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 51 Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán hoặc kiểm toán.

3. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

4. Thành viên BKS được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 56 Điều lệ Công ty.

5. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên BKS được quy định theo pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 55 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 52, Điều 53 và Điều 54 Điều lệ Công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;

4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

5. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.

Điều 18. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điểm d5 Điểm đ Khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 70 Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên BKS theo quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và quy định tại Khoản 3 Điều 52 Điều lệ Công ty;

2. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

4. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Chương V

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 19. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Công ty

1. Thành viên HĐQT, TGD, thành viên BKS và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

đ) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

e) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, các người quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

g) Có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty với chính thành viên HĐQT đó hoặc với những người có liên quan đến thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc nghị quyết của HĐQT thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

h) Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

i) Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên HĐQT đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty.

k) Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

3. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thông báo cho ĐHQĐ tại cuộc họp thường niên và lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, TGD và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai nếu xét thấy cần thiết;

4. Thành viên HĐQT, TGD nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

5. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

6. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hóa của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

7. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 21. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng có liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, BKS và TGD.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Điều 22. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên HĐQT, TGD và người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc TGD có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 23. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán phải được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Chương VI

BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 24. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được

thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 25. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 26. Công bố thông tin về quản trị Công ty

Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc

Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 28. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD.

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 18 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, TGD trong thời gian ba (03) năm trước.

2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, TGD hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 29. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật chứng khoán hiện hành và các văn bản hướng dẫn.

2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin; thư ký Công ty kiêm nhiệm làm nhiệm vụ này. Nhân viên công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:

- a) Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

Chương VII GIÁM SÁT

Điều 30. Con dấu & chữ ký số

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp hiện hành.
2. Chủ tịch HĐQT, TGD Công ty được sử dụng và quản lý con dấu, chữ ký số, chứng thư số theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Mọi phân công, uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan tới việc sử dụng và quản lý con dấu, chữ ký số, chứng thư số của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản và có thời hạn cụ thể.
3. TGD Công ty có trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận tham mưu lập “Quy chế quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu” của công ty và quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 30 Quy chế này; trình HĐQT phê duyệt.

Điều 31. Giám sát

1. Công ty, các cá nhân, tổ chức có liên quan và các cổ đông phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 32. Xử lý vi phạm về quản trị Công ty

Công ty, các cá nhân, tổ chức có liên quan và các cổ đông vi phạm quy định về quản trị Công ty bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Bổ sung và sửa đổi Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải xuất phát từ lợi ích của Công ty và sự phù hợp về luật pháp hiện hành.

2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất sửa đổi Quy chế này và HĐQT phải tổng hợp những đề xuất sửa đổi mang lại hiệu quả, phương thức quản lý tiến bộ hoặc các lợi ích khác làm Công ty phát triển bền vững để trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 08 chương, 34 điều, được HĐQT Công ty xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Cổ đông Công ty, các thành viên HĐQT, BKS, TGD Công ty và tất cả các cán bộ quản lý trong Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này; BKS kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong Công ty./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG
(VWACO)

-----o0o-----

VWACO-001234
VWACO-001234

**PHIẾU BIỂU QUYẾT
NỘI DUNG CÁC TỜ TRÌNH**

Mã cổ đông:

Tên cổ đông:

Số CP sở hữu + đại diện:..... CP

Tổng số quyền được biểu quyết:..... CP

NỘI DUNG	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017.			
2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, trả cổ tức năm 2017			
3. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, và phương án phân phối lợi nhuận năm 2018			
4. Thông qua thù lao TV HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký năm 2018			
5. Thông qua việc chọn danh sách 03 công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018			
6. Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 1 của công ty			
7. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty			

TP. Vĩnh Long, ngày 23 tháng 04 năm 2018
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn ()
- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn () và đánh dấu X vào ô lựa chọn mới ()
- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy (●)
- Cổ đông chỉ được lựa chọn 1 phương án biểu quyết cho mỗi nội dung.

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 – VWACO.
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu không do VWACO phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của VWACO trên phiếu).
 - + Phiếu không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông.
 - + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu.
 - + Phiếu không in thông tin cổ đông.

Số: /GM-CNVL

TP.Vĩnh Long, ngày 10 tháng 04 năm 2018

GIẤY MỜI

Kính gửi:

Địa chỉ:

Số CMND/DKKD: Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

Mã số cổ đông:.....Số cổ phần sở hữu:.....CP

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

1. Thời gian: lúc 7 giờ 30 phút, Thứ hai, ngày 23/04/2018.

2. Địa điểm: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1 – TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

3. Nội dung chính của Đại hội: *(Xem chi tiết nội dung chương trình kèm theo)*

4. Tài liệu Đại hội: được gửi kèm theo Giấy mời này và được đăng tải trên website của Công ty: <http://www.capnuocvl.com.vn>

5. Xác nhận tham dự Đại hội: để công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi và chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông vui lòng đăng ký xác nhận việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền (theo mẫu gửi kèm), gửi về văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long trước 16 giờ ngày 22/04/2018 theo địa chỉ sau :

Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

Địa chỉ: 02 Hưng Đạo Vương - Phường 1 - Thành phố Vĩnh Long – Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 070.3822583 – 070.3827777 (Ext: 126), 0909.876769 gặp Cô Thùy Dương

Fax : 070.3829432

Email: capnuocvl@gmail.com

Cổ đông tham dự Đại hội có mặt tại địa điểm tổ chức Đại hội vào lúc 7 giờ 30 phút và xin vui lòng mang theo Giấy mời họp; CMND/hộ chiếu (bản gốc). Đối với trường hợp người được ủy quyền, đề nghị mang theo Giấy ủy quyền (bản gốc) và CMND/hộ chiếu (bản gốc) của người ủy quyền .

Trân trọng kính mời!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi

- Lưu

Đặng Tấn Chiến



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

THẺ BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người đại diện:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

VWACO

Mã số biểu quyết :

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 04 năm 2018

**PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT BIỂU
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Tên cổ đông/đại diện cổ đông:

.....

.....

.....

Sở cổ phần sở hữu/đại diện:

Đăng ký phát biểu các nội dung sau:

1.

.....

.....

.....

2.

.....

.....

.....

3.

.....

.....

.....

4.

.....

.....

.....

Ký ghi rõ họ tên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

- **Thời gian:** Vào lúc 7 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 04 năm 2018.
- **Địa điểm:** Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long, số 02 đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

II. THÀNH PHẦN

- Cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.
- Khách mời tham dự Đại hội:.....

III. PHẦN NGHI THỨC VÀ THỦ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

1. Khai mạc cuộc họp:

- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
- Giới thiệu nhân sự Ban thẩm tra tư cách cổ đông gồm các Ông (bà) sau:
Ông: – Trưởng ban
Bà: – Thành viên
Bà: – Thành viên

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Ông, Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tới thời điểm **07 giờ 30 phút** ngày 23/04/2018 như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: **28.900.000** cổ phần.
- Tổng số Cổ đông và Người được ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội.
- Đại diện cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Dựa trên kết quả kiểm tra nêu trên, các Cổ đông và Người được ủy quyền tham dự Đại hội đã đại diện trên **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đảm bảo đủ điều kiện để tiến hành phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

3. Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu

3.1. Chủ tọa đại hội: Ông Đặng Tấn Chiến - Chủ tịch HĐQT

Chủ tọa đại hội chỉ định các thành viên tham gia điều hành đại hội gồm các ông (bà):

- Ông:
- Ông:
- Ông:
- Ông:

3.2. Chủ tọa đại hội chỉ định 02 người làm Thư ký Đại hội, gồm các ông (bà) sau:

- Ông: - Trưởng Ban;
- Ông: - Thành viên.

3.3. Bầu Ban kiểm phiếu biểu quyết các tờ trình, gồm các ông (bà) sau:

- Ông: - Trưởng Ban;
- Bà: - Thành viên;
- Ông: - Thành viên;
- Bà: - Thành viên;
- Ông: - Thành viên.

*Đại hội đã thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa Đại hội với tỷ lệ biểu quyết **100%** đồng ý.*

IV. PHẦN NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Dưới sự điều hành của Chủ tọa đoàn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long đã tiến hành chương trình nghị sự với các nội dung như sau:

1. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Tấn Phát, trình bày và thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội (*Tài liệu kèm theo*).

Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội:

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết
- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:
 - + Đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - + Không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - + Không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%

2. Thông qua Chương trình Đại hội.

Đại hội đã nghe Ông Trần Văn Bản, thông qua dự thảo Chương trình Đại hội (*Tài liệu chi tiết kèm theo*).

Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội:

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết

- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:
 - + *Đồng ý*: *cổ phần, đạt tỷ lệ*%
 - + *Không đồng ý*: *cổ phần, đạt tỷ lệ*%
 - + *Không có ý kiến*: *cổ phần, đạt tỷ lệ*%

3. Các Báo cáo và nội dung chính cần thông qua:

Đại hội đã nghe các nội dung báo cáo và các tờ trình như sau:

- Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2017
- Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động kiểm soát công ty năm 2017.
- Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017.
- Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2017
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.
- Thông qua mức thù lao thành viên HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2017.
- Thông qua Điều lệ sửa đổi bổ sung
- Thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty

4. Các ý kiến thảo luận của các cổ đông tại Đại hội

.....

5. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung:

5.1 Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2017

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết
- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:
 - + *Đồng ý*: *cổ phần, đạt tỷ lệ*%
 - + *Không đồng ý*: 0 *cổ phần, đạt tỷ lệ*%
 - + *Không có ý kiến*: 0 *cổ phần, đạt tỷ lệ*%

5.2 Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động kiểm soát công ty năm 2017

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết
- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:
 - + *Đồng ý*: *cổ phần, đạt tỷ lệ*%
 - + *Không đồng ý*: 0 *cổ phần, đạt tỷ lệ*%
 - + *Không có ý kiến*: 0 *cổ phần, đạt tỷ lệ*%

5.3 Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017

- Hình thức biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) chọn ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết.

- Tổng số Phiếu biểu quyết phát ra: Phiếu biểu quyết đại diệncổ phần, bằng 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số Phiếu biểu quyết thu vào: Phiếu biểu quyết, đạt% tương đương cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số Phiếu biểu quyết hợp lệ: Phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ% trên tổng số phiếu thu vào.

- Tổng số Phiếu biểu quyết không hợp lệ: Phiếu biểu quyết

- Tổng số Phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết (không có ý kiến): Phiếu biểu quyết, tương ứng cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:

+Số Phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%

+Số Phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%

+Số Phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%

5.4 Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2017

- Hình thức biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) chọn ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết.

- Tổng số Phiếu biểu quyết phát ra: Phiếu biểu quyết đại diệncổ phần, bằng 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số Phiếu biểu quyết thu vào: Phiếu biểu quyết, đạt% tương đương cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số Phiếu biểu quyết hợp lệ: Phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu thu vào.

- Tổng số Phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu biểu quyết

- Tổng số Phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết (không có ý kiến): Phiếu biểu quyết, tương ứng cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:

+Số Phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%

+Số Phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%

+Số Phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%

5.5 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

- Hình thức biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) chọn ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết.

- Tổng số Phiếu biểu quyết phát ra: Phiếu biểu quyết đại diệncổ phần, bằng 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số Phiếu biểu quyết thu vào: Phiếu biểu quyết, đạt% tương đương cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số Phiếu biểu quyết hợp lệ: Phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ% trên

tổng số phiếu thu vào.

- Tổng số Phiếu biểu quyết không hợp lệ: Phiếu biểu quyết
- Tổng số Phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết (không có ý kiến): Phiếu biểu quyết, tương ứng cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:
 - +Số Phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số Phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số Phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%

5.6 Chọn 03 đơn vị kiểm toán độc lập gồm: Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam; Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C; Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán trên làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

- - Hình thức biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) chọn ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết.

- Tổng số Phiếu biểu quyết phát ra: Phiếu biểu quyết đại diệncổ phần, bằng 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số Phiếu biểu quyết thu vào: Phiếu biểu quyết, đạt% tương đương cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số Phiếu biểu quyết hợp lệ: Phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu thu vào.

- Tổng số Phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu biểu quyết

- Tổng số Phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết (không có ý kiến): Phiếu biểu quyết, tương ứng cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:

- +Số Phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%

- +Số Phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%

- +Số Phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%

5.7 Thủ lao thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký năm 2018.

a) Thành viên HĐQT: đ/người/tháng

b) Thành viên BKS:đ/người/tháng

c) Người phụ trách quản trị công tyđ/người/tháng

d) Thư ký:đ/người/tháng

- Hình thức biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) chọn ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết.

- Tổng số Phiếu biểu quyết phát ra: Phiếu biểu quyết đại diệncổ phần, bằng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số Phiếu biểu quyết thu vào: Phiếu biểu quyết, đạt% tương đương cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số Phiếu biểu quyết hợp lệ: Phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu thu vào.
- Tổng số Phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu biểu quyết
- Tổng số Phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết (không có ý kiến): Phiếu biểu quyết, tương ứng cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:
 - +Số Phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số Phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số Phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%

5.8 Thông qua Điều lệ sửa đổi bổ sung lần 1 của công ty.

- Hình thức biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) chọn ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết.
- Tổng số Phiếu biểu quyết phát ra: Phiếu biểu quyết đại diệncổ phần, bằng 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số Phiếu biểu quyết thu vào: Phiếu biểu quyết, đạt% tương đương cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số Phiếu biểu quyết hợp lệ: Phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu thu vào.
- Tổng số Phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu biểu quyết
- Tổng số Phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết (không có ý kiến): Phiếu biểu quyết, tương ứng cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:
 - +Số Phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số Phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số Phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%

5.9 Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

- Hình thức biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) chọn ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết.
- Tổng số Phiếu biểu quyết phát ra: Phiếu biểu quyết đại diệncổ phần, bằng 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số Phiếu biểu quyết thu vào: Phiếu biểu quyết, đạt% tương đương cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số Phiếu biểu quyết hợp lệ: Phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu thu vào.
- Tổng số Phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu biểu quyết
- Tổng số Phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết (không có ý kiến):

Phiếu biểu quyết, tương ứng cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:
 - +Số Phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số Phiếu biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số Phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%

6. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Đại hội đã nghe Ông, Trưởng Ban thư ký Đại hội trình bày Biên bản và toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết
- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:
 - + Đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - + Không đồng ý: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - + Không có ý kiến: 0 cổ phần, đạt tỷ lệ%

V. KẾT LUẬN

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 với **100%**/số cổ phần có quyền biểu quyết đồng ý.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kết thúc vào lúc 12 giờ 15 phút cùng ngày.

Biên bản Đại hội và Nghị quyết đại hội sẽ được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <http://www.capnuocvl.com.vn>.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

.....

ĐẶNG TẤN CHIẾN

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 4 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/QH13/2014 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
 - Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long ngày 23 tháng 04 năm 2018;
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động điều hành năm 2017, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
2. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động kiểm soát công ty năm 2017, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
 - Trích quỹ đầu tư phát triển: đồng
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động:.....đồng
 - Trích quỹ thưởng người quản lý công ty:.....đồng
 - Trả cổ tức năm 2017:đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016.....đồng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017.....đồng.
 - Lợi nhuận còn lại:..... đồng

- Căn cứ quỹ khen thưởng, phúc lợi được phép trích lập, công ty quyết định phân bổ 50% thành quỹ khen thưởng và 50% quỹ phúc lợi cho người lao động.

5. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Kế hoạch năm 2018
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ (m ³)		15.200.000
2	Tổng doanh thu		133.900.000.000
3	Tổng chi phí		105.135.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN		28.765.000.000
5	Thuế TNDN		3.490.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.275.000.000
7	Nộp ngân sách nhà nước		10.381.000.000
8	Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN		
8.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	5%	1.263.750.000
8.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	25%	6.318.750.000
8.3	Trích quỹ thưởng người quản lý	1,50%	379.125.000
8.4	Trả cổ tức tối thiểu 5%/vốn điều lệ	5%	14.450.000.000
8.5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		
	- Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối chuyển sang		465.520.153
	- Lợi nhuận năm nay còn lại sau khi trích quỹ		2.863.375.000
9	Đầu tư xây dựng cơ bản		117.440.000.000
10	Vốn điều lệ		289.000.000.000
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ		8,75%

b) Phân phối lợi nhuận:

- Trích quỹ đầu tư phát triển 5% lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động 25% lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ thưởng người quản lý công ty 1,5% lợi nhuận sau thuế
- Trả cổ tức năm 2017: Tối thiểu 6%/ vốn điều lệ

Đối với Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng đối với người quản lý Công ty chuyên trách trích tối đa theo tỷ lệ % trên, nhưng tổng số tiền trích quỹ không vượt quá quy định tại Điều 18, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2017 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương thù lao, tiền

thường đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

6. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị kiểm toán trong danh sách các đơn vị kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA – Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

7. Thông qua thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký năm 2018. Với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

- Thành viên Hội đồng quản trị: đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: đồng/tháng
- Người phụ trách quản trị công ty đồng/tháng
- Thư ký: đồng/tháng

8. Thông qua Điều lệ sửa đổi bổ sung lần 1 của Công ty, Với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua

9. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, Với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long được lập và thông qua trước đại hội với tỷ lệ thống nhất% của cổ đông có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 23/04/2018.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

ĐẶNG TẤN CHIẾN